

Vững vàng TĂNG TRƯỞNG



NỘI DUNG

THÔNG TIN CHUNG

- 06 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Thành viên và Giám đốc
- 08 Thông tin khái quát
- 10 Quá trình hình thành và phát triển
- 16 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 18 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 19 Định hướng phát triển
- 20 Các rủi ro và Công tác Quản trị rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

- 28 Tổng quan kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2020
- 32 Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2020
- 34 Tổ chức và nhân sự
- 38 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 39 Tình hình tài chính năm 2020
- 39 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 40 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 48 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020
- 56 Tình hình tài chính năm 2020
- 56 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 57 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 57 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 62 Thông tin về Công ty
- 63 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 64 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 66 Báo cáo tình hình tài chính
- 71 Báo cáo kết quả hoạt động
- 74 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 78 Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
- 80 Thuyết minh báo cáo tài chính

KẾT NỐI CÔNG NGHỆ MỞ RỘNG KHÔNG GIAN SỐ





THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ GIÁM ĐỐC



Những thành tựu đã đạt được trong năm 2020 là minh chứng cho sự quyết tâm và nỗ lực không ngừng vươn lên của tập thể cán bộ nhân viên trong toàn Công ty và cũng là động lực để VCBS phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai.



Kính thưa Quý vị!

Kinh tế Việt Nam trong năm 2020 là điểm sáng trong khu vực, tăng 2,91% - mức tăng trưởng dương đứng vào nhóm tốt nhất so với các nước trong khu vực và thế giới dù chịu tác động dịch bệnh. Thành công đó đến từ việc: Chính phủ sớm chủ động kiểm soát dịch bệnh giúp duy trì hoạt động kinh tế trong nước, cũng như loạt điểm sáng về các Hiệp định thương mại tự do, bước tiến của hoạt động đầu tư công cũng như làn sóng dịch chuyển đầu tư và thương mại. Cùng với đó, lạm phát trong tầm kiểm soát, thị trường tài chính, tiền tệ và tỷ giá được điều hành chủ động linh hoạt phù hợp với các diễn biến trên thị trường thế giới.

Năm 2020 cũng là năm Thị trường chứng khoán thể hiện sự chống chịu tốt trước đại dịch khi mức tăng của 2 chỉ số chính VN Index và HNX Index đạt lần lượt 14,9% và 98,1% so với cuối năm 2019. Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt gần 5.294 nghìn tỷ đồng tăng 20,8% so với cuối năm 2019 tương đương với 84,1% GDP năm 2020, vượt mục tiêu đề ra. Thanh khoản thị trường tăng cao kỷ lục đi cùng với số lượng tài khoản chứng khoán mở mới.

Là một thành viên trong hệ thống Ngân hàng Vietcombank, với gần 20 năm gắn bó với thị trường chứng khoán Việt Nam, VCBS đã nỗ lực không ngừng và thực hiện thành công nhiều thương vụ với quy mô lớn, tiêu chuẩn quốc tế, bao gồm nhiều thương vụ liên quan tới các yếu tố nước ngoài. Trong năm 2020, VCBS tiếp tục khẳng định vị thế trên thị trường về mảng bảo lãnh phát hành trái phiếu doanh nghiệp, với hàng loạt thương vụ phát hành thành công do các doanh nghiệp lớn trên thị trường chứng khoán thuộc nhiều lĩnh vực kinh doanh khác nhau phát hành. Những thương vụ tiêu biểu VCBS tham gia với vai trò là tổ chức tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu có thể kể đến như tư vấn bảo lãnh phát hành Trái phiếu CTCP Ô tô Trường Hải (2.000 tỷ đồng); Bảo lãnh phát hành trái phiếu Vĩnh Sơn Sông Hình (700 tỷ đồng); Đại lý phát hành trái phiếu Nam Long (500 tỷ đồng); Tư vấn bảo lãnh phát hành CEO Vân Đồn (220 tỷ đồng); Tư vấn bảo

lãnh phát hành Văn Phú Invest (180 tỷ đồng)... Bên cạnh đó, mảng bán lẻ vẫn được VCBS duy trì và phát triển, đặc biệt là tập trung nguồn lực phát triển bán lẻ từ Ngân hàng mẹ.

Những thành tựu đã đạt được trong năm 2020 là minh chứng cho sự quyết tâm và nỗ lực không ngừng vươn lên của tập thể cán bộ nhân viên trong toàn Công ty và cũng là động lực để VCBS phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai.

Trong giai đoạn tới, dù bối cảnh thị trường chứng khoán được dự báo sẽ có nhiều biến động do ảnh hưởng của dịch bệnh lên nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, VCBS tiếp tục chuyển mình thích nghi với điều kiện kinh doanh mới, tập trung nguồn lực đẩy mạnh hoạt động kinh doanh với chiến lược “Lấy Khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp là trung tâm”, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và tập trung vào cung cấp sản phẩm dịch vụ trọn gói theo định hướng trở thành Ngân hàng đầu tư hàng đầu tại Việt Nam. Để thực hiện nhiệm vụ chiến lược này, VCBS ưu tiên phát triển các hoạt động kinh doanh quan trọng như: (i) Hoàn thiện và phát triển hệ thống dịch vụ cho khách hàng tổ chức, định chế và hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp; (ii) Nâng cao chất lượng dịch vụ và triển khai các gói sản phẩm nhằm phục vụ nhu cầu đa dạng của khách hàng bán lẻ; (iii) Tiếp tục đầu tư phát triển và nâng cấp sản phẩm dịch vụ của hệ thống công nghệ giao dịch trực tuyến, từ đó cung cấp cho khách hàng những trải nghiệm giao dịch tiện ích hiện đại, an toàn và bảo mật thông tin. Đồng thời, Công ty cũng sẽ tiếp tục đào tạo, chú trọng nâng cao chất lượng nhân sự cũng như cải thiện hệ thống phúc lợi và môi trường làm việc.

VCBS sẽ không ngừng nỗ lực đóng góp tích cực vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam; luôn cam kết là đối tác đáng tin cậy đối với cộng đồng nhà đầu tư, các doanh nghiệp, tổ chức định chế tài chính trong nước và quốc tế.

Chủ tịch HĐQT
NGUYỄN THỊ KIM OANH

Giám đốc
LÊ MẠNH HÙNG



THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Tên công ty: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCBS).

Tên Tiếng Anh: Vietcombank Securities Co., Ltd

Ngày thành lập: 07/01/2002 theo Quyết định số 27/QĐ-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 09/GPHĐKD ngày 24 tháng 04 năm 2002 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 63/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2017.

Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn tỷ đồng).

Vốn chủ sở hữu: 1.805.876.156.330 đồng (Bằng chữ: Một nghìn tám trăm linh năm tỷ, tám trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, ba trăm ba mươi đồng).

Hội sở chính: Tầng 12 & 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tel: (84-24)-39366990 - **Fax:** (84-24)-39360262

Website: www.vCBS.com.vn

VỐN ĐIỀU LỆ

1.000.000.000.000
ĐỒNG



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2002

- Công ty chứng khoán đầu tiên cung cấp các tiện ích trực tuyến trên thị trường chứng khoán Việt Nam, cung cấp bảng giá trực tuyến (tại website www.vcbs.com.vn) và tiện ích giao dịch chứng khoán qua mạng Internet (VCBS - Cyber Investor).
- Công ty chứng khoán tiên phong trong việc khai mở thị trường trái phiếu (đây là thị trường vốn chỉ dành cho các Ngân hàng thương mại trước đó hoạt động), VCBS thực hiện bảo lãnh thành công 1.000 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ.
- Thành lập chi nhánh VCBS tại Thành phố Hồ Chí Minh (VCBS TP.HCM).

2003

- Tư vấn và bảo lãnh phát hành cổ phiếu có cam kết chắc chắn cho CTCP XNK Tổng hợp và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (Imexco). Đây là lần đầu tiên một công ty chứng khoán thực hiện bảo lãnh phát hành cổ phiếu doanh nghiệp có cam kết chắc chắn trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

2004

- Tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công 200 tỷ đồng cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank). Đây là thương vụ bảo lãnh phát hành cổ phiếu được cam kết chắc chắn có giá trị lớn nhất trong 5 năm đầu tiên của thị trường chứng khoán Việt Nam.

2005

- Nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính về thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức bán đấu giá cổ phần của Công ty Thiết bị Bưu điện (POSTEF – Mã: POT) qua Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Đây là phiên đấu giá cổ phần đầu tiên của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, tiền thân của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hiện nay.
- Nhận Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về thành tích góp phần hoàn thành nhiệm vụ năm 2004.
- Nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính về thành tích xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán giai đoạn 2000 – 2005.

2006

- Thực hiện tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng.
- Nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích trong công tác góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
- Nhận Bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về thành tích trong công tác tham gia bảo lãnh phát hành trái phiếu đô thị.
- Nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính về thành tích xuất sắc trong công tác huy động vốn.

2007

- Tư vấn bán đấu giá phát hành cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) của Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank), một trong những thương vụ IPO có quy mô lớn nhất tại Việt Nam.
- Bảo lãnh phát hành thành công 400 tỷ đồng trái phiếu của Tổng công ty Thép và 300 tỷ đồng trái phiếu của Tổng công ty Sông Đà.
- Thành lập chi nhánh VCBS tại Thành phố Đà Nẵng (VCBS Đà Nẵng).

2008

- KIỆN TOÀN BỘ MÁY HOẠT ĐỘNG TRÊN TOÀN HỆ THỐNG VCBS SAU 05 NĂM ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG.
- Thành lập điểm giao dịch của VCBS tại Vietcombank Hải Dương.

2009

- Thực hiện tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng lên 700 tỷ đồng.
- Một trong những công ty chứng khoán đầu tiên được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp phép đạt tiêu chuẩn kết nối với hệ thống giao dịch trực tuyến.
- Nhận giải thưởng “Thương hiệu Chứng khoán uy tín” cho Tổ chức trung gian và hỗ trợ dịch vụ tiêu biểu.
- Nhận giải thưởng công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2010

- Thành lập chi nhánh VCBS tại Thành phố Cần Thơ (VCBS Cần Thơ).
- Một trong những công ty chứng khoán đầu tiên được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp phép đạt tiêu chuẩn kết nối với hệ thống hệ thống giao dịch trực tuyến.
- Nhận Bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiều năm liên tục.

2011

- Thành lập chi nhánh VCBS tại Thành phố Vũng Tàu (VCBS Vũng Tàu).
- Công ty chứng khoán đầu tiên thực hiện nghiệp vụ M&A, với các thương vụ lớn được hoàn thành trong lĩnh vực ngân hàng. Cụ thể:
 - Sáp nhập Ngân hàng Liên doanh Shinhan Vina và Ngân hàng Shinhan Việt Nam;
 - Hợp nhất 03 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đệ Nhất, Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa và Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

2012

- Nhận Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vì đã đạt “Thành tích xuất sắc trong hoạt động của thị trường trái phiếu thứ cấp năm 2012 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội”.
- Tư vấn thành công các thương vụ sáp nhập M&A nổi bật trên thị trường chứng khoán Việt Nam như:
 - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội và Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội;
 - CTCP Thép Việt Ý và CTCP Luyện thép Sông Đà.
- Bảo lãnh phát hành thành công 250 tỷ đồng trái phiếu Vinaenco.
- Tư vấn và thu xếp phát hành 250 tỷ đồng trái phiếu BIM Seafood.

2013

- Một trong những thành viên đứng đầu về thị phần đầu thầu sơ cấp và môi giới giao dịch thứ cấp trên thị trường trong nhiều năm liên tiếp.
- Một trong 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ lớn nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công 1.000 tỷ trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ Thuật TP.HCM (CII); đồng tư vấn phát hành thành công 5.000 tỷ đồng Trái phiếu Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin).
- Tư vấn thành công các thương vụ sáp nhập M&A: CTCP Sông Đà 9 và CTCP Sông Đà 91; CTCP Someco Sông Đà và CTCP Someco Hòa Bình.

2014

- Một trong 04 công ty chứng khoán có thị phần môi giới Trái phiếu và Tín phiếu chiếm trên 10% thị phần giao dịch của toàn thị trường.
- Công ty chứng khoán duy nhất trên thị trường vinh dự nhận Giấy khen do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trao tặng vì đã có “Thành tích tiêu biểu đối với sự phát triển của thị trường trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2009 - 2014”.
- Phát hành thành công 200 tỷ trái phiếu VCBS.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu có nhiều đóng góp tích cực cho thị trường chứng khoán giai đoạn 2009 - 2014.
- Một trong 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ lớn nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

2015

- Tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công 9.000 tỷ đồng trái phiếu của Masan Consumer Holdings (MCH) - Công ty con thuộc sở hữu toàn phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan.
- Tư vấn phát hành thành công 2.300 tỷ đồng trái phiếu của Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang - Công ty thuộc Tập đoàn Vingroup.
- Chính thức triển khai cung cấp hệ thống giao dịch trực tuyến VCBS Trading hoàn toàn mới trên các phân hệ Home Trading; Web Trading; Mobile Trading và App Trading thành công.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trao tặng VCBS Kỷ niệm chương “Một trong 05 công ty chứng khoán tiêu biểu trong việc thực hiện nghiệp vụ tư vấn niêm yết và đấu giá năm 2015”.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu có nhiều đóng góp tích cực cho thị trường chứng khoán giai đoạn 2005 - 2015.
- Phát hành thành công 300 tỷ trái phiếu VCBS.
- Thành lập Phòng giao dịch Giảng Võ và Văn phòng đại diện Hải Phòng.

2016

- Tư vấn và Đại lý phát hành thành công 8.000 tỷ trái phiếu Vietcombank.
- Nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính vì “Đã có thành tích xuất sắc và đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu giai đoạn 2015 - 2016.
- Thành lập Văn phòng đại diện Bình Dương.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

2017

- ▶ Thực hiện tăng vốn điều lệ từ 700 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng.
- ▶ Đại lý đầu giá duy nhất được nhà đầu tư lựa chọn trong thương vụ thoái vốn nhà nước tại Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SAB) với tổng giá trị giao dịch thông qua VCBS khoảng 110.000 tỷ đồng.
- ▶ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán tiền, chứng khoán năm 2017.
- ▶ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu năm 2017.
- ▶ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu thị trường trái phiếu Chính phủ năm 2017.

2018

- ▶ Đại lý đầu giá thành công thương vụ thoái vốn Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VCG) với tổng giá trị 7.366 tỷ đồng.
- ▶ Tư vấn nhà đầu tư nước ngoài thực hiện M&A thành công trong các thương vụ mua cổ phần tại: Tập đoàn Dệt may Việt Nam

(10%), Công ty Cổ phần Thép Việt Ý (45%), Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (8,97%).

- ▶ Là thành viên thứ 9 trên thị trường chính thức cung cấp sản phẩm chứng khoán phái sinh.
- ▶ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2018 và thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở năm 2018.
- ▶ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu năm 2017 - 2018.

2019

- ▶ Đứng đầu thị phần môi giới giao dịch Trái phiếu Chính phủ.
- ▶ Đứng thứ 2 thị phần môi giới Trái phiếu Doanh nghiệp.
- ▶ Đứng thứ 2 thị phần đấu thầu giao dịch Trái phiếu Chính phủ.
- ▶ Tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công hơn 6.000 tỷ đồng trái phiếu cho các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực hoạt động khác nhau, hỗ trợ nguồn vốn trung dài hạn cho doanh nghiệp bên cạnh nguồn vốn tín dụng của ngân hàng.

- ▶ Tư vấn và đại lý phát hành thành công 2.550 tỷ đồng trái phiếu được bảo lãnh thanh toán bởi tổ chức danh tiếng CGIF (Credit Guarantee and Investment Facility – Quỹ tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á được S&P đánh giá tín nhiệm hạng AA). Đây là thương vụ có cấu trúc trái phiếu phức tạp và đã thu hút nhiều nhà đầu tư tổ chức lớn, có uy tín trên thị trường vốn.
- ▶ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2019.
- ▶ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu giai đoạn 2018 – 2019.

2020

- ▶ Tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công 2.000 tỷ đồng trái phiếu Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải - Thaco. Đây là thương vụ phát hành trái phiếu thứ hai trong vòng hai năm liên tiếp (2019 - 2020) mà VCBS tham gia với vai trò đơn vị tư vấn và đại lý phát hành cho Thaco - Doanh nghiệp số 1 trong lĩnh vực sản xuất lắp ráp ô tô tại Việt Nam.
- ▶ Thực hiện đồng bảo lãnh phát hành thành công 2.000 tỷ đồng trái phiếu của Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam - TKV, kỳ hạn 5 năm, bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- ▶ Vietcombank vinh danh VCBS là đơn vị tiêu biểu hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2020.
- ▶ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán trong năm 2020.
- ▶ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là Top 3 công ty chứng khoán thành viên có thị phần giao dịch trái phiếu lớn nhất năm 2020.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG

VCBS được cấp phép thực hiện tất cả các nghiệp vụ chứng khoán và kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật. Các loại hình kinh doanh bao gồm:

 Môi giới	 Tự doanh	 Bảo lãnh phát hành
 Quản lý danh mục đầu tư	 Tư vấn đầu tư chứng khoán	 Tư vấn tài chính doanh nghiệp
 Các dịch vụ khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		



ĐỊA BÀN KINH DOANH

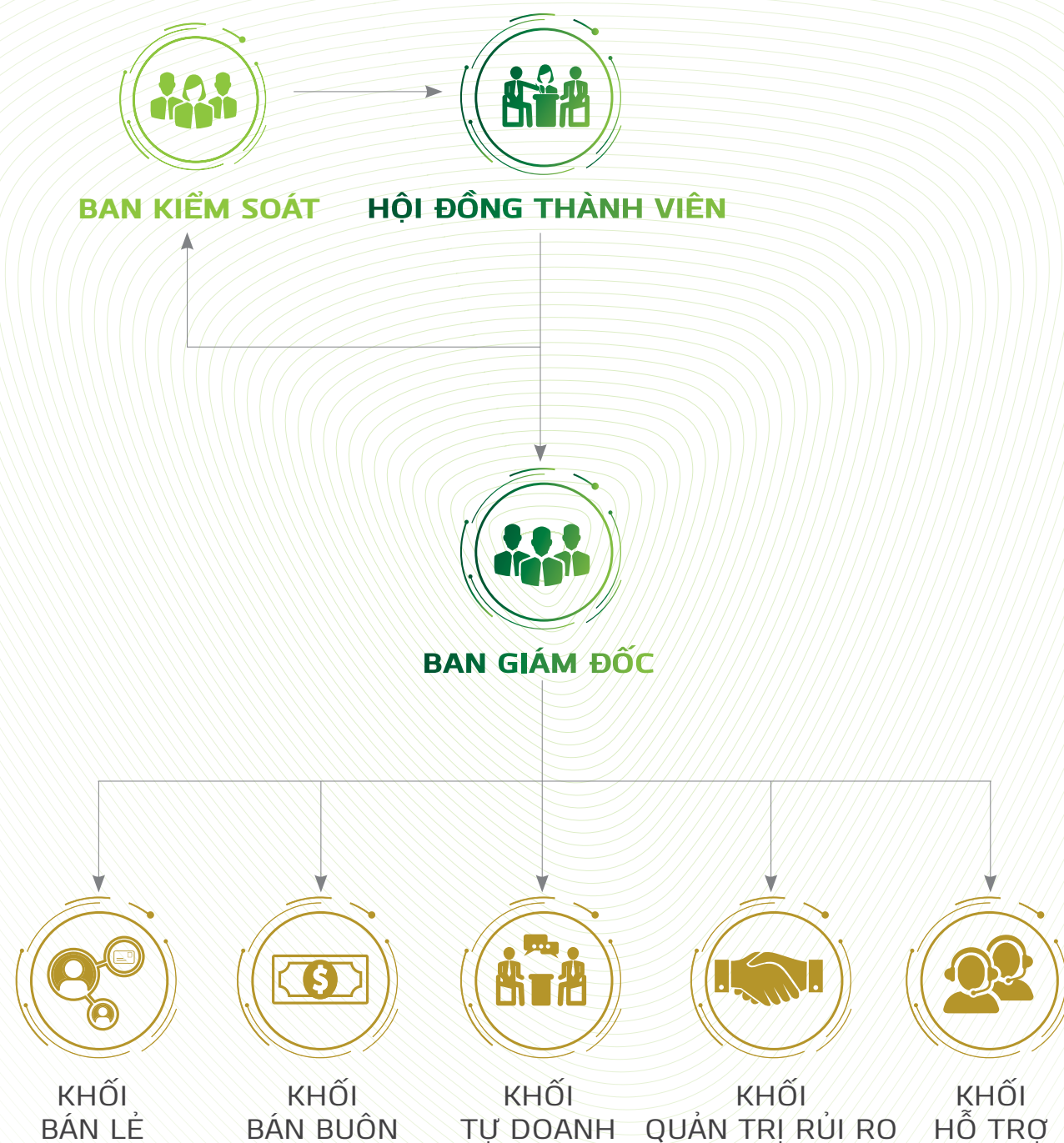
Tính đến 31/12/2020, VCBS hiện có 1 Trụ sở chính tại Hà Nội, 02 Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, 05 phòng giao dịch tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh và 04 Văn phòng đại diện tại Cần Thơ, Đồng Nai, Hải Phòng và Vũng Tàu.





THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

VCBS hoạt động với mô hình Công ty TNHH một thành viên với cơ cấu như sau:



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Trong bối cảnh kinh tế thế giới vẫn chưa có giải pháp thích ứng với đại dịch Covid-19, Thị trường Chứng khoán Việt Nam trở thành điểm sáng khi nền kinh tế thích nghi nhanh với tình trạng bình thường mới và giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực của dịch bệnh, đem lại nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam cũng như nhà đầu tư tham gia Thị trường Chứng khoán.

Trong năm 2021, VCBS tiếp tục duy trì mục tiêu trở thành Ngân hàng Đầu tư hàng đầu trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Để hoàn thành mục tiêu đề ra, Công ty xác định các định hướng phát triển trọng tâm trong thời gian tới bao gồm:



Nâng cao tiềm lực tài chính từ việc gia tăng vốn điều lệ, tạo nguồn lực, điều kiện tham gia các thương vụ lớn, khẳng định vị thế trên thị trường.



Gia tăng nguồn lực khách hàng cho cả khối bán lẻ và bán buôn thông qua tăng cường hợp tác với Ngân hàng mẹ để hoàn thiện mô hình kinh doanh trong hệ sinh thái One Vietcombank.



Gia tăng nguồn lực công nghệ bằng cách tiếp tục nâng cấp hệ thống nhằm đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng.



Tập trung cải thiện quy định hiện tại để tháo gỡ các ràng buộc gây lãng phí thời gian trong việc ra quyết định kinh doanh. Đồng thời cải thiện chính sách thu hút nhân tài, gia tăng năng lực quản trị rủi ro đáp ứng tốc độ phát triển kinh doanh trong điều kiện thay đổi liên tục từ các cơ chế quản lý của cơ quan quản lý nhà nước.



CÁC RỦI RO VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO



Với mục tiêu trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu trên thị trường chứng khoán đầy biến động, VCBS luôn đặt ưu tiên hàng đầu cho xây dựng một hệ thống Quản trị rủi ro không chỉ đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước mà còn hướng tới đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về quản lý rủi ro trong lĩnh vực tài chính.

Ngay từ những ngày đầu thành lập, nhận thức được việc phòng ngừa và hạn chế rủi ro trên thị trường tài chính là vấn đề hết sức khó khăn, phức tạp, Công ty đã ưu tiên bổ sung đội ngũ nhân sự giàu kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cho bộ phận Quản trị rủi ro. Tất cả các cán bộ chuyên trách đều được đào tạo bài bản, có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong thị trường tài chính và được nâng cao kiến thức bằng cách tham gia các khóa đào tạo về quản lý rủi ro trong và ngoài nước.

Nhằm đảm bảo tất cả các Đơn vị, Cán bộ của Công ty đều tham gia vào quá trình kiểm soát rủi ro của Công ty, VCBS đã lựa chọn áp dụng mô hình Quản trị rủi ro gồm 03 tầng bảo vệ độc lập trong hoạt động quản trị rủi ro. Mỗi tầng bảo vệ bao gồm những Bộ phận khác nhau của Công ty với những nhiệm vụ khác nhau trong công tác quản lý rủi ro nhưng đều có thể hỗ trợ cho nhau cùng hướng tới một hệ thống Quản trị rủi ro đồng nhất và hiệu quả.

TẦNG BẢO VỆ THỨ 3

Bao gồm các bộ phận giám sát độc lập như Phòng Kiểm soát nội bộ, Phòng Kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát. Đây là các đơn vị thực hiện các biện pháp giám sát nhằm đảm bảo tính tuân thủ đối với các chiến lược, chính sách và các quy định Quản trị rủi ro mà Công ty đã đặt ra.

TẦNG BẢO VỆ THỨ 2

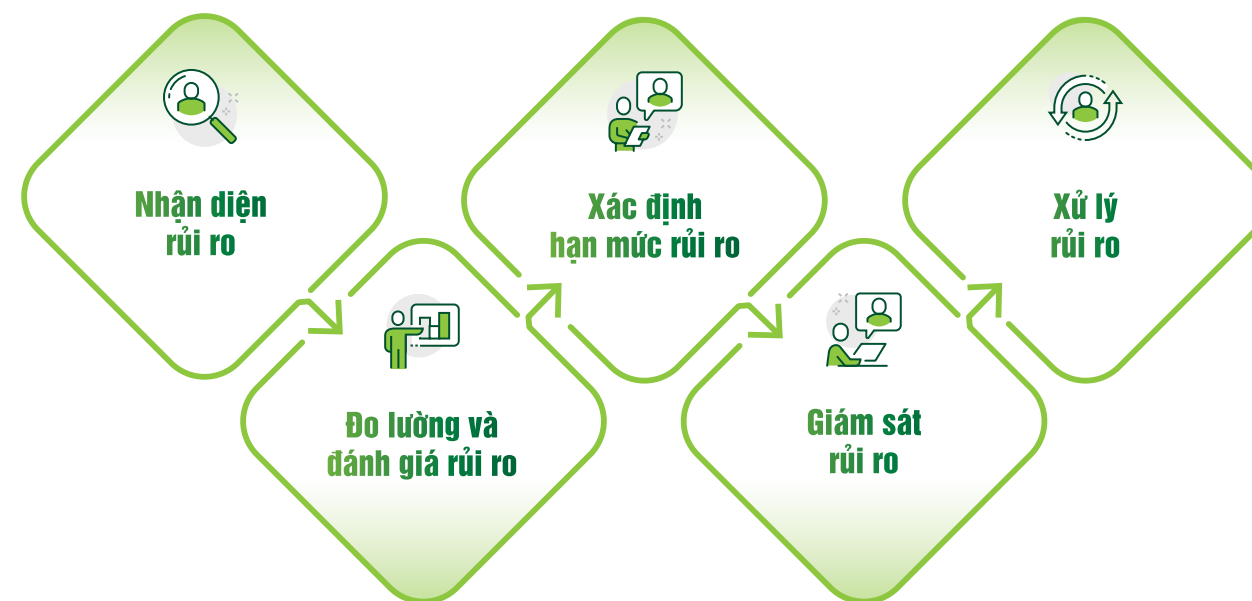
Bao gồm các bộ phận quản lý rủi ro tập trung và độc lập như Bộ phận Quản trị rủi ro, Bộ phận Tuân thủ có trách nhiệm phát triển, duy trì và giám sát hoạt động quản lý rủi ro của toàn Công ty.

TẦNG BẢO VỆ THỨ 1

Bao gồm các đơn vị thuộc khối kinh doanh và khối hỗ trợ - nơi trực tiếp phát sinh các rủi ro, có nhiệm vụ trực tiếp thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro trong các hoạt động tác nghiệp hàng ngày.

Trên thực tế, công tác Quản trị rủi ro của VCBS đang được vận hành theo một chu trình hoàn chỉnh theo đúng lý thuyết tiêu chuẩn và quy định của Quyết định số 105/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Cụ thể bao gồm 5 bước:



Hàng năm, hệ thống văn bản, chính sách điều chỉnh cho hoạt động Quản trị rủi ro của Công ty cũng đang tiếp tục được chuẩn hóa và hoàn thiện. Cụ thể: Chính sách rủi ro định hướng cho hoạt động quản lý rủi ro của Công ty trong đó bao gồm hạn mức rủi ro và khẩu vị rủi ro cụ thể cho từng lĩnh vực

hoạt động của Công ty được ban hành hàng năm. Ngoài ra, các quy trình quản lý cho các rủi ro trọng yếu cũng lần lượt được chỉnh sửa, cập nhật cho phù hợp với những thay đổi của chính sách quản lý, môi trường kinh doanh và sự phát triển của sản phẩm, dịch vụ.

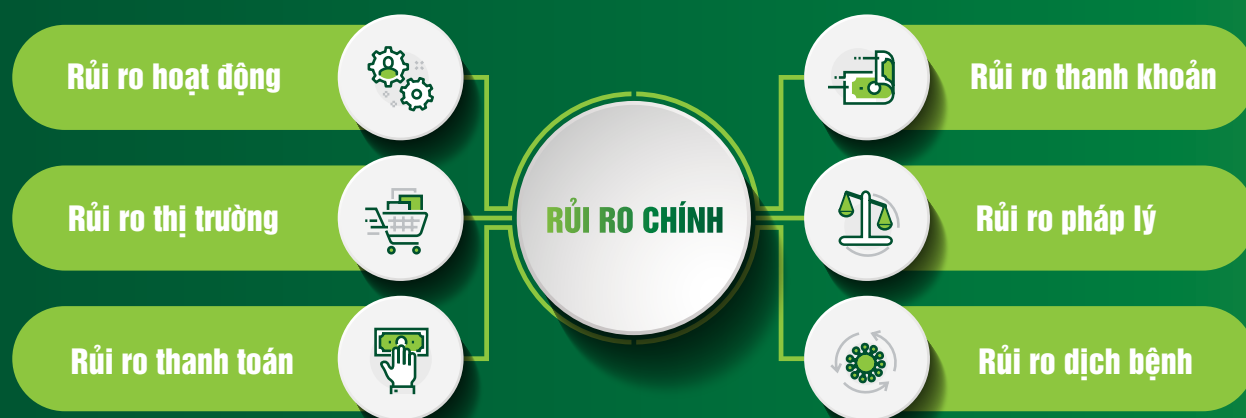
VCBS cũng chú trọng vào việc nâng cao, cải thiện hành vi và văn hóa quản trị rủi ro trong nội bộ Công ty. Thông qua các buổi đào tạo nội bộ, các kiến thức cơ bản về quản lý rủi ro đã được phổ biến đến từng cán bộ, từ đó dẫn tới những thay đổi tích cực trong quan điểm và hành vi của nhân viên trong công tác quản lý rủi ro.

Bên cạnh đó, việc thiết lập cơ sở hạ tầng hiệu quả cho việc thu thập, tổng hợp dữ liệu và báo cáo rủi ro cũng được Công ty đặt mục tiêu hướng tới. Hoạt động thu thập dữ liệu tổn thất tại Công ty không chỉ đơn thuần là tuân thủ mà còn được sử dụng phục vụ mục tiêu đưa ra các dự báo khả năng xảy ra tổn thất, cũng như ước tính mức độ ảnh hưởng của tổn thất, xây dựng các ngưỡng kiểm soát và hạn mức rủi ro của từng lĩnh vực hoạt động.





CÁC RỦI RO VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)



Trong năm 2020, hoạt động Quản trị rủi ro của Công ty tiếp tục được thực hiện theo đúng định hướng đã đề ra. Các hoạt động đã được triển khai bao gồm:



Hoạt động quản lý rủi ro hoạt động

- ♥ Hệ thống văn bản, chính sách, quy trình nhằm kiểm soát rủi ro hoạt động tiếp tục được hoàn thiện.
- ♥ Triển khai định kỳ các buổi hội thảo tự rà soát rủi ro và đánh giá chốt kiểm soát đối với các nghiệp vụ tiềm ẩn nhiều rủi ro.
- ♥ Tổ chức định kỳ các buổi đào tạo phổ biến các kiến thức cơ bản về Quản trị rủi ro trên toàn hệ thống nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm quản trị rủi ro của từng cán bộ.
- ♥ Xây dựng hệ thống chỉ số rủi ro chính nhằm giám sát các dấu hiệu của các rủi ro tiềm ẩn.



Hoạt động quản lý rủi ro thị trường

- ♥ VCBS ưu tiên sử dụng các mô hình định lượng để lượng hóa rủi ro thị trường. Cụ thể: Công ty đã áp dụng phương pháp VaR để đánh giá rủi ro. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện mô hình Stress Testing để đánh giá mức độ tổn thất tối đa có thể xảy ra theo các kịch bản đã được xác định trước để từ đó có các biện pháp hạn chế tổn thất nếu cần. Việc tính toán vốn theo phương pháp VaR cũng góp phần giúp VCBS đồng hành cùng với Ngân hàng mẹ trong quá trình triển khai tuân thủ hiệp ước vốn Basel II.
- ♥ Các quyết định đầu tư luôn phải đảm bảo duy trì phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý.
- ♥ Các hạn mức rủi ro thị trường cũng được xây dựng và đảm bảo tuân thủ tuyệt đối cho mọi hoạt động đầu tư của Công ty.



Công tác quản lý rủi ro thanh toán

- ♥ Mọi quyết định liên quan đến hoạt động cho vay ký quỹ đều được thực hiện một cách thận trọng, tuân thủ theo đúng quy định của Cơ quan quản lý và quy trình Quản trị rủi ro nội bộ của Công ty.
- ♥ Danh mục cổ phiếu cho vay được xây dựng một cách thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và khẩu vị rủi ro của Công ty trong từng thời kỳ. Danh mục cổ phiếu này được xếp hạng, cho vay theo một tỷ lệ cũng như hạn mức cho vay phù hợp với chất lượng cổ phiếu. Công tác xếp hạng cổ phiếu đảm bảo được đánh giá lại định kỳ và đột xuất khi cần thiết để kịp thời cập nhật tình hình doanh nghiệp, biến động của cổ phiếu.
- ♥ Một hệ thống hạn mức cũng được xây dựng với mục đích kiểm soát mức độ tập trung dư nợ cũng như các mức cảnh báo để kịp thời xử lý thu hồi nợ, bao gồm các chỉ tiêu như: Tổng hạn mức cho vay ký quỹ; hạn mức tối đa trên 1 khách hàng; hạn mức tối đa trên 1 mã cổ phiếu; tỷ lệ cảnh báo ngưỡng an toàn; tỷ lệ cảnh báo; tỷ lệ duy trì...
- ♥ Công tác kiểm soát tình hình dư nợ được thực hiện hàng ngày để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro.



Hoạt động quản lý rủi ro thanh khoản

Cơ chế dự báo dòng tiền được báo cáo định kỳ, trạng thái thanh khoản được kiểm soát hàng ngày. Công ty cũng đã xây dựng được công cụ đo lường tình trạng thanh khoản và các phương án dự phòng về nguồn vốn. Trong suốt 18 năm hoạt động, Công ty luôn đảm bảo về nguồn vốn cho các kế hoạch đầu tư cũng như nghĩa vụ thanh toán. Đối với năm 2020, chỉ tiêu an toàn tài chính của Công ty đạt 284% tại thời điểm ngày 31/12/2020, vượt xa tỷ lệ quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là 180%.



Công tác quản lý rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý xảy ra cho Công ty trong quá trình chấp hành pháp luật do thay đổi quy định, không tuân thủ đúng quy định hoặc khi phát sinh tranh chấp, kiện cáo từ các bên liên quan trong quá trình hoạt động hàng ngày của Công ty. Để đảm bảo hạn chế rủi ro phát sinh, các văn bản luật sửa đổi, ban hành mới luôn được cập nhật kịp thời, phổ biến rộng rãi và tích hợp vào quy trình tác nghiệp, quy định của Công ty.



CÁC RỦI RO VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)



Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bùng nổ từ cuối tháng 01/2020, VCBS đã nhanh chóng triển khai các biện pháp phòng chống dịch nhằm hạn chế tối đa nguy cơ lây nhiễm nơi công sở, đảm bảo sức khỏe người lao động và khách hàng đồng thời đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

Ngay từ những ngày đầu xuất hiện bệnh dịch, VCBS đã thực hiện đánh giá các rủi ro dịch Covid-19 có thể tác động đến hoạt động của Công ty trên tất cả các phương diện. Tương ứng với từng loại rủi ro đã được nhận diện, Công ty đã có những biện pháp, kế hoạch ứng phó cụ thể.

Công ty đã nhanh chóng xây dựng và triển khai các kế hoạch dự phòng theo đúng các nguyên tắc đã được xác định tại Chính sách Quản lý kinh doanh liên tục của Công ty. Cụ thể, Công ty đã:

- ♥ Xác định các hoạt động/công việc bắt buộc phải duy trì liên tục, có thể làm việc từ xa, có thể được hỗ trợ bởi các đơn vị khác.
- ♥ Xây dựng kế hoạch dự phòng nhân sự cho tất cả các vị trí.
- ♥ Chuẩn bị hệ thống công nghệ thông tin, công cụ lao động hỗ trợ cho công tác làm việc từ xa.
- ♥ Xác định, xây dựng các địa điểm làm việc thay thế.
- ♥ Theo dõi sát diễn biến tình hình dịch bệnh trong nước, tổ chức triển khai làm việc từ xa tại nơi cư trú hoặc tại các địa điểm làm việc thay thế nằm ngoài địa điểm làm việc chính thức.



Bên cạnh đó, các biện pháp phòng chống lây nhiễm nơi công sở cũng được Công ty quán triệt triển khai. Cụ thể:

♥ Đối với cán bộ, Công ty yêu cầu:

- Sử dụng khẩu trang khi giao tiếp với đồng nghiệp, khách hàng, đối tác.
- Tăng cường sử dụng nước sát khuẩn rửa tay theo hướng dẫn của cơ quan y tế.
- Hạn chế tụ tập đông người và giữ khoảng cách tiếp xúc phù hợp.
- Che kín miệng, mũi khi ho hoặc hắt hơi bằng khuỷu tay áo/ khăn vải hoặc khăn giấy. Giặt sạch khăn hoặc bỏ khăn giấy vào thùng rác và rửa tay bằng xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn.
- Chủ động theo dõi sức khỏe của bản thân (đo nhiệt độ, theo dõi các triệu chứng) đặc biệt khi có các biểu hiện của bệnh như ho, sốt, đau họng, ốm mệt, biểu hiện cảm cúm hoặc đau ngực khó thở và có nghi ngờ tiếp xúc với nguồn lây nhiễm.
- Báo cáo kịp thời Công ty khi tiếp xúc với nguồn lây nhiễm và khi có những nghi ngờ về khả năng nhiễm bệnh của bản thân.



Ngoài ra, khung Quản trị rủi ro nội bộ cũng sẽ được cập nhật và hoàn thiện nhằm đảm bảo phù hợp với quy mô phát triển của Công ty và thị trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng dự kiến tiếp tục nâng cấp, cải tiến công nghệ, đầu tư vào các hệ thống phần mềm hỗ trợ đo lường rủi ro nhằm đảm bảo công tác đánh giá rủi ro được thực hiện nhanh chóng, khách quan và chính xác nhất có thể.

♥ Đối với các Phòng ban/ Đơn vị, Công ty yêu cầu:

- Yêu cầu khách hàng, đối tác đeo khẩu trang khi ra/ vào nơi làm việc và giữ khoảng cách khi tiếp xúc.
- Hạn chế việc cử các cán bộ, đoàn công tác di chuyển giữa các khu vực đang có dịch. Trường hợp bắt buộc và thực sự cần thiết, các Đơn vị xin ý kiến chỉ đạo và phê duyệt của Giám đốc Công ty.
- Hạn chế tổ chức các hoạt động tập trung đông người. Trong trường hợp bắt buộc, phải tuân thủ đầy đủ các quy định về phòng chống dịch bệnh nơi đông người của Bộ y tế và các Cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa ghi nhận bất cứ tổn thất nào về tài chính do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19.

Trong năm tiếp theo, Công ty tiếp tục duy trì khẩu vị rủi ro thận trọng, đề cao tính tuân thủ đối với các chính sách, quy định đồng thời đảm bảo an toàn tuyệt đối và hiệu quả vốn kinh doanh. Bộ phận Quản trị rủi ro sẽ tập trung đẩy mạnh công tác nhận diện và phòng tránh rủi ro, tăng cường nhân lực nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhất mục tiêu Quản trị rủi ro đối với các hoạt động, sản phẩm hiện có và chuẩn bị việc triển khai sản phẩm, chính sách mới. Ngoài ra, khung Quản trị rủi ro nội bộ cũng sẽ được cập nhật và hoàn thiện nhằm đảm bảo phù hợp với quy mô phát triển của Công ty và thị trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng dự kiến tiếp tục nâng cấp, cải tiến công nghệ, đầu tư vào các hệ thống phần mềm hỗ trợ đo lường rủi ro nhằm đảm bảo công tác đánh giá rủi ro được thực hiện nhanh chóng, khách quan và chính xác nhất có thể. Đồng thời, Công ty cũng sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục, bảo vệ sức khỏe và lợi ích của khách hàng trước mọi diễn biến của dịch bệnh.

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO BẮT KỊP ĐỂ VƯƠN XA





TỔNG QUAN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2020



“

Việt Nam tiếp tục được đánh giá là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực. Trong đó, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 3,36% so với năm 2019. Điểm sáng là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,82%, giữ vai trò chủ chốt dẫn dắt tăng trưởng chung của ngành công nghiệp và toàn nền kinh tế.

Mặc dù chịu tác động xấu từ những diễn biến khó lường của đại dịch Covid-19 trên toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam đã từng bước hoạt động trở lại trong điều kiện bình thường mới, GDP năm 2020 tăng 2,91%. Việt Nam tiếp tục được đánh giá là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực. Trong đó, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 3,36% so với năm 2019. Điểm sáng là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,82%, giữ vai trò chủ chốt dẫn dắt tăng trưởng chung của ngành công nghiệp và toàn nền kinh tế. Cùng lúc, giải ngân đầu tư công ghi nhận mức tăng đáng kể so với cùng kỳ nhiều năm trở lại đây cho thấy sự quyết liệt của Chính phủ trong việc lấy đầu tư công kích thích sự phát triển khu vực tư nhân nhằm hỗ trợ kinh tế phục hồi.

Sự ổn định của chỉ số kinh tế vĩ mô cũng được thể hiện với chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với năm 2019. Tỷ giá giao dịch tại các NHTM cũng như tỷ giá trung tâm ổn định và ít biến động. Các biện pháp điều hành của NHNN cho

thấy hiệu quả rõ nét, dự trữ ngoại hối đạt mức cao kỷ lục và dự báo đạt ngưỡng 100 tỷ USD vào cuối năm 2020. Trong bối cảnh thanh khoản dồi dào và nhu cầu tín dụng chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh, lãi suất huy động được duy trì ở mặt bằng thấp đủ lâu trong một khoảng thời gian dài, là cơ sở cho xu hướng giảm của lãi suất cho vay, hỗ trợ hoạt động sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp.

Trên thị trường chứng khoán, các yếu tố nền tảng kể trên đã góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng của thị trường trong năm 2020. Chỉ số VN Index và HNX Index đạt lần lượt 1.103,87 và 203,12 tương ứng tăng 14,9% và 98,1% so với cuối năm 2019. Đi cùng với đó, thanh khoản bình quân phiên trên cả ba sàn tăng mạnh và đạt 7.394,87 tỷ đồng, tăng 58,9% so với năm 2019. Sự tăng trưởng ấn tượng này có dấu ấn lớn nhờ dòng tiền từ nhà đầu tư mới tham gia thị trường khi số tài khoản mở mới liên tục tăng qua các tháng.

CHỈ SỐ VN INDEX ĐẠT

1.103,87 ĐIỂM

↑ TĂNG 14,9% SO VỚI CUỐI NĂM 2019

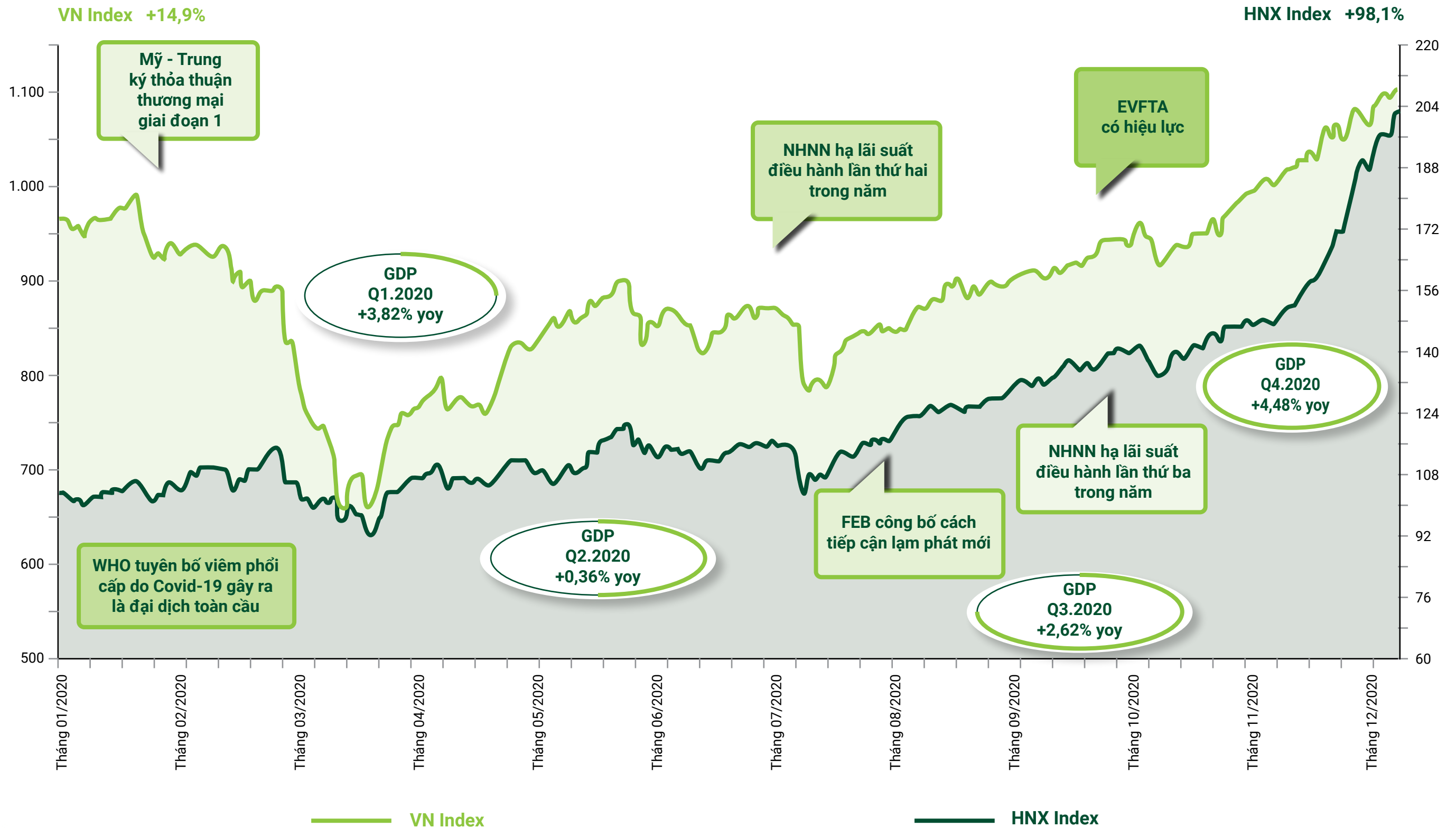
CHỈ SỐ HNX INDEX ĐẠT

203,12 ĐIỂM

↑ TĂNG 98,1% SO VỚI CUỐI NĂM 2019



TỔNG QUAN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2020 (tiếp theo)





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020



Đại dịch Covid-19 đã tạo ra những tác động mạnh mẽ tới thị trường chứng khoán trong năm 2020.

Tuy vậy, đây cũng là thời điểm đón nhận làn sóng nhà đầu tư mới tham gia thị trường. Không chùn bước trước khó khăn, tích cực tận dụng thời cơ này cùng sự kiên trì theo sát định hướng đề ra và điều hành linh hoạt, VCBS đã xuất sắc hoàn thành kế hoạch kinh doanh. Cụ thể, doanh thu năm 2020 đạt gần 680 tỷ đồng và LNTT đạt 323 tỷ đồng hoàn thành 114% kế hoạch với các mũi nhọn chính như môi giới bán lẻ và kinh doanh vốn & trái phiếu.

Với những thành tích và đóng góp tích cực trong năm 2020, Vietcombank vinh danh VCBS là đơn vị tiêu biểu hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2020; Trung tâm Lưu ký Chứng khoán vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán trong năm 2020; Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là Top 3 Công ty Chứng khoán thành viên có thị phần giao dịch trái phiếu lớn nhất năm 2020.



DOANH THU

680
TỶ ĐỒNG



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

323
TỶ ĐỒNG



TOP 3

Công ty Chứng khoán thành viên có thị phần giao dịch trái phiếu lớn nhất năm 2020



Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam vinh danh VCBS



Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG NĂM 2020

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
BÀ NGUYỄN THỊ KIM OANH	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC VIETCOMBANK CHỦ TỊCH HĐQT
BÀ HOÀNG DIỄM THÙY	THÀNH VIÊN HĐQT
ÔNG LÊ MẠNH HÙNG	THÀNH VIÊN HĐQT GIÁM ĐỐC
ÔNG LÊ VIỆT HÀ	PHÓ GIÁM ĐỐC
ÔNG TRẦN VIỆT HÙNG	PHÓ GIÁM ĐỐC
ÔNG ĐỖ THANH PHONG	PHÓ GIÁM ĐỐC (bổ nhiệm từ 1/1/2020)
ÔNG PHAN ANH VŨ	PHÓ GIÁM ĐỐC (miễn nhiệm từ 16/3/2020)
BÀ NGUYỄN THÚY QUỲNH	TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
BÀ LÊ THỊ NGỌC TRÂM	KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



Bà NGUYỄN THỊ KIM OANH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC VIETCOMBANK
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh hiện đang đảm nhiệm các chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Vietcombank, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Tài chính Việt Nam tại Hongkong - VFC, Chủ tịch Hội đồng Thành viên VCBS. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh nhận bằng Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng tại Đại học New South Wales, Úc.

Bà HOÀNG DIỄM THÙY
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Bà Hoàng Diễm Thùy hiện đang đảm nhiệm các chức vụ: Trưởng phòng Kinh doanh vốn Hội sở chính Vietcombank, Ủy viên Hội đồng Thành viên VCBS. Bà Hoàng Diễm Thùy nhận bằng MBA do Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Trung tâm Đào tạo về Quản lý Pháp - Việt (CFVG) tổ chức.



Ông LÊ MẠNH HÙNG
THÀNH VIÊN HĐQT - GIÁM ĐỐC

Ông Lê Mạnh Hùng bắt đầu công tác tại VCBS từ năm 2007. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, ông Lê Mạnh Hùng từng giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư cổ phiếu, Phó Giám đốc VCBS trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc VCBS. Ông Lê Mạnh Hùng nhận bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) chuyên ngành Tài chính tại Trường Đại học California State - East Bay (USA).



GIỚI THIỆU BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ông LÊ MẠNH HÙNG
GIÁM ĐỐC

Ông Lê Mạnh Hùng bắt đầu công tác tại VCBS từ năm 2007. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, ông Lê Mạnh Hùng từng giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư cổ phiếu, Phó Giám đốc VCBS trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc VCBS. Ông Lê Mạnh Hùng nhận bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) chuyên ngành Tài chính tại Trường Đại học California State - East Bay (USA).

Ông LÊ VIỆT HÀ
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ông Lê Việt Hà từng giữ nhiều chức vụ chủ chốt trong đội ngũ quản lý của VCBS trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Phó Giám đốc VCBS. Ông Lê Việt Hà tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính Ngân hàng của Học viện Ngân hàng và nhận bằng Cử nhân Luật tại Đại học Luật Hà Nội.



Ông TRẦN VIỆT HƯNG
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ông Trần Việt Hưng đã có nhiều năm công tác tại Vietcombank từ năm 2006. Ông Trần Việt Hưng từng giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Quản lý tài sản nợ - tài sản có Trụ sở chính Vietcombank, Trưởng phòng Kinh doanh vốn & Trái phiếu VCBS trước khi được bổ nhiệm vị trí Phó Giám đốc VCBS. Ông Trần Việt Hưng nhận bằng Cử nhân ngành Kinh tế đối ngoại tại Trường Đại học Ngoại thương.



Ông ĐỖ THANH PHONG
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ông Đỗ Thanh Phong đã có quá trình công tác lâu dài tại VCBS từ năm 2012, ông có nhiều năm giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư Hội sở chính trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Phó Giám đốc VCBS. Ông Đỗ Thanh Phong nhận bằng Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh tại Trường Đại học Latrobe - Úc.

Bà NGUYỄN THÚY QUỲNH
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Thúy Quỳnh có nhiều năm công tác tại VCBS, từng giữ một số vị trí chủ chốt trong đội ngũ quản lý của VCBS trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Trưởng Ban Kiểm soát VCBS. Bà Nguyễn Thúy Quỳnh tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.



Bà LÊ THỊ NGỌC TRÂM
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Lê Thị Ngọc Trâm có quá trình công tác lâu dài tại VCBS, từng giữ các vị trí chủ chốt trong đội ngũ quản lý của VCBS trước khi bổ nhiệm vào vị trí Kế toán trưởng. Bà Lê Thị Ngọc Trâm tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.



NGƯỜI LAO ĐỘNG



Tổng số lao động của VCBS tính đến 31/12/2020 là 286 người. Với phương châm, con người là tài sản quý nhất trong hoạt động kinh doanh, VCBS luôn chú trọng việc đầu tư và phát triển nguồn nhân lực, đây là chìa khóa đem lại thành công và hiệu quả của Công ty.



TỔNG SỐ LAO ĐỘNG ĐẾN 31/12/2020

286
NGƯỜI



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm 2020, Công ty vẫn duy trì chính sách đầu tư tài chính an toàn và hiệu quả như đầu tư vào các Trái phiếu chính phủ, Chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tài chính uy tín, Trái phiếu doanh nghiệp...



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2020

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	2019	2020	%
Tổng giá trị tài sản	3.545.811.565.782	5.848.015.317.643	65%
Doanh thu thuần	527.923.948.224	679.962.265.572	29%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	184.550.248.046	323.322.255.777	75%
Lợi nhuận khác	869.696.273	376.272.799	-57%
Lợi nhuận trước thuế	185.419.944.319	323.698.528.576	75%
Lợi nhuận sau thuế	145.593.781.732	261.792.610.810	80%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	2019	2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	193,05%	144,19%
+ Hệ số thanh toán nhanh	193,05%	144,19%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	56,57%	69,12%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	130,23%	223,83%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	16,36%	14,48%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	28%	39%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	9%	14%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4%	4%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	35%	48%



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

VCBS là công ty TNHH MTV với 100% vốn đầu tư từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Trong năm 2020, VCBS không có sự thay đổi nào về vốn đầu tư của chủ sở hữu.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



VCBS luôn thực hiện tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Cùng với đó, để hướng tới bảo vệ môi trường xanh, VCBS thường xuyên tổ chức Ngày hội gia đình “Green VCBS 2020” trên toàn hệ thống dành cho các gia đình thành viên của đại gia đình VCBS. Qua từng hoạt động cụ thể, các gia đình tham gia đã dần hiểu rõ hơn về sự cần thiết của việc chung tay bảo vệ môi trường xanh. Cùng với đó, thông qua các chương trình ý nghĩa này, từng thành viên của VCBS ngày càng đoàn kết và chung sức hướng tới sự phát triển chung của Công ty.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN TỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

VCBS là nơi đã và đang tạo dựng được nguồn nhân lực chất lượng cao, có chuyên môn được đào tạo bài bản theo đúng các chuyên ngành Kinh tế, Tài chính, Ngân hàng, Luật, cùng với đó là các chứng chỉ như CPA, ACCA, CFA, các chứng chỉ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định... Các chuyên gia của VCBS đều có thời gian lâu dài làm việc tại các Ngân hàng đầu tư, Công ty quản lý quỹ, Công ty tư vấn... hàng đầu ở trong và ngoài nước. Năm 2020, VCBS tiếp tục hoàn thiện mô hình hoạt động theo quy chuẩn mô hình Ngân hàng đầu tư quốc tế; Thành lập các bộ phận mới nhằm gia tăng, đa dạng hóa nguồn thu cho Công ty, cung cấp cho khách hàng nhiều sản phẩm, tiện ích tạo tiền đề để Công ty phát triển bền vững.



Cùng với việc duy trì nguồn lực chất lượng cao, VCBS cũng luôn đóng góp một phần sức lực và tạo cơ hội cho các thế hệ sinh viên trẻ được tiếp cận và trải nghiệm thực tế trong môi trường tài chính chuyên nghiệp, qua đó các bạn sinh viên được trau dồi thêm kiến thức, nâng cao hơn nữa trình độ của bản thân. Trong nhiều năm qua, VCBS là đơn vị đồng tổ chức cũng như là nhà tài trợ cho cuộc thi I-INVEST! do Trường Đại học Ngoại thương tổ chức - một cuộc thi dành cho sinh viên khối kinh tế lớn nhất miền Bắc. Qua các cuộc thi, VCBS cũng đã tiếp nhận các thí sinh vào thực tập và làm việc chính thức tại Công ty. VCBS nhận thấy rằng cùng với những nền tảng kiến thức được học tập trên ghế nhà trường, sau khi có cơ hội tham gia trải nghiệm trong môi trường công việc thực tế các thí sinh sẽ trở nên tự tin và nhận thức rõ ràng về định hướng sự nghiệp của mình. Các thế hệ sinh viên trẻ được đào tạo bài bản sẽ trở thành nguồn nhân lực tốt góp phần phát triển ngành chứng khoán trong tương lai.





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG



Thực hiện theo mục tiêu xuyên suốt của Ngân hàng mẹ - Vietcombank là hướng tới một Ngân hàng xanh, phát triển bền vững vì cộng đồng, hoạt động an sinh xã hội của VCBS không ngừng được đẩy mạnh với nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội.

Uống nước - nhớ nguồn

VCBS thường xuyên tổ chức các chương trình về nguồn, sinh hoạt chính trị được kết hợp với việc kết nạp Đảng viên mới. Năm vừa qua, Đảng bộ cơ sở VCBS đã phối hợp với Trung tâm Giáo dục Truyền thông Lịch sử tổ chức hành trình “Về nguồn Tây Bắc” tại Lào Cai - Sa Pa: Tổ chức thực hiện lễ dâng hương tại Đài tưởng niệm các Anh hùng Liệt sỹ tỉnh Lào Cai và tặng quà cho các gia đình chính sách tại địa phương; thực hiện lễ dâng hương tại Đền Thượng - nơi thờ vị Anh hùng dân tộc Quốc công tiết chế Hưng Đạo Vương - Trần Quốc Tuấn và thực

hiện nghi thức thượng cờ trên Đỉnh Fansipan. Đây là hoạt động hàng năm của VCBS để biểu hiện tình cảm “Uống nước - Nhớ nguồn”, khơi dậy và làm sáng lên giá trị Truyền thống, giá trị Nhân văn và Đức hy sinh của các thế hệ người đi trước và nâng cao giá trị đời sống tinh thần của cán bộ.

Cùng với đó, VCBS tổ chức thực hiện tri ân các gia đình thương binh liệt sỹ có con em là cán bộ công tác trên toàn hệ thống nhân dịp 27-7.



Chung tay vì người nghèo, Cho đi là còn mãi

Cùng với đó, VCBS cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động vì cộng đồng như: Hoạt động từ thiện, các chương trình đền ơn đáp nghĩa, hoạt động nhân đạo... là một trong những nhiệm vụ thường xuyên và cũng tiêu chí đánh giá tiêu chuẩn văn hóa kinh doanh tại Công ty. Liên tục duy trì và bồi đắp cho truyền thống văn hóa này, tập thể cán bộ VCBS đã chung tay hưởng ứng các chương trình như: Thực hiện chương trình thiện nguyện “Cho đi là còn mãi” dành cho những mảnh đời và hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn TP.HCM với giá trị 37 triệu đồng.





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Đối với lĩnh vực y tế

Năm 2020, tập thể VCBS đã thực hiện phát động quyên góp ủng hộ công tác phòng và chữa bệnh Covid-19 bùng phát đợt 2 tại Bệnh viện Phổi Đà Nẵng thông qua “Chương trình Ủng hộ Đà Nẵng chiến thắng Covid-19” với tổng giá trị thực hiện 102 triệu đồng; Tổ chức chương trình Tết thiếu nhi và tặng quà bệnh nhi tại Bệnh viện Nhi Trung ương

với giá trị 5 triệu đồng; Tổ chức chương trình Hiến máu “Chia giọt máu đào - Gửi trao hi vọng lần 2” thu về được hơn 40 đơn vị máu; Tham gia các Ngày hội hiến máu do các đơn vị Vietcombank, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội HNX, Đoàn khối Doanh nghiệp TW đăng cai tổ chức, tổng cộng được 55 đơn vị máu.



Đối với giáo dục

Tiếp sức cho học sinh nghèo an tâm vững bước trên con đường tới trường luôn được VCBS hết sức quan tâm. Với mong muốn góp phần tạo ra cơ sở vật chất dành cho trẻ em vùng cao tại điểm trường mầm non bản Piềng có điều kiện được chăm sóc và học tập tốt hơn, VCBS tài trợ 200 triệu đồng để góp phần xây dựng điểm trường này. Cùng với đó, Công đoàn VCBS và Đoàn thanh niên đã vận động tập thể cán bộ VCBS quyên góp, ủng hộ trang thiết bị trường học với tổng giá trị 25 triệu đồng và một số quần áo ấm dành cho các em nhỏ để có điều kiện học tập và sinh hoạt tốt hơn.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Không phát sinh

ĐẨY MẠNH SỐ HÓA KHƠI THÔNG DÒNG CHẢY LỚN





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ

Thành tựu nổi bật

★ ★ ★ ★ ★

TOP 5

**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN
CÓ THỊ PHẦN MÔI GIỚI
TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP
LỚN NHẤT**

★ ★

TOP 2

**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN
CÓ THỊ PHẦN ĐẦU THẦU
GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU
CHÍNH PHỦ LỚN NHẤT**

Chuyên nghiệp và Tận tâm

Với đội ngũ chuyên gia được đào tạo bài bản, giỏi kiến thức chuyên môn và giàu kinh nghiệm trong việc thực hiện giao dịch cho khách hàng tổ chức trong và ngoài nước cùng với đó là sự chuyên nghiệp, tận tâm, luôn đặt lợi ích khách hàng lên đầu, bộ phận Khách hàng Tổ chức VCBS đang ngày càng ghi được dấu ấn tốt đẹp trong lòng khách hàng, đồng thời khẳng định được uy tín và vị thế của mình.

Năm 2020, dưới tác động tiêu cực từ dịch Covid-19 trên toàn cầu cùng với đó là những thay đổi trên thị trường vĩ mô trong nước, VCBS đã chủ động thích ứng và tích cực tổ chức các chương trình online nhằm cung cấp thông tin về thị trường, giới thiệu cơ hội đầu tư ra quốc tế qua đó tiếp tục mở rộng mạng lưới khách hàng và đối tác trên toàn cầu. Các sự kiện tiêu biểu năm 2020 có thể kể đến như:

Tháng 4	Virtual Corporate Access Tour Q1 2020
Tháng 6	One-On-One Analyst Meeting Day 2H 2020
Tháng 7	Virtual Corporate Access Tour Q2 2020
Tháng 10	Virtual Corporate Access Tour Q3 2020
Tháng 12	One-On-One Analyst Meeting Day 1H 2021
Tháng 12	Investor Day - 2021 Macro Economy Outlook Seminar

Trong đó chuỗi sự kiện Virtual Corporate Access Tour là các chuyến tham quan online đến hơn 30 doanh nghiệp trong các lĩnh vực: Bán lẻ & Tiêu dùng; Cảng biển & Hàng không; Vận tải; Bất động sản & Khu công nghiệp; Dược phẩm; Nông nghiệp; Xây



dựng, Ngân hàng. Bên cạnh đó, từng khách hàng đã được cập nhật và cùng trao đổi với bộ phận Phân tích VCBS về thị trường vĩ mô, trái phiếu, cổ phiếu cũng như các doanh nghiệp tiềm năng qua hơn 50 buổi họp 1:1 của One-On-One Analyst Meeting Day. Khép lại năm 2020 với hội thảo đầu tư Investor Day- 2021 Macro Economy Outlook Seminar được tổ chức quy tụ đại diện từ hơn 50 quỹ đầu tư, ngân hàng, bảo hiểm trong và ngoài nước tham dự.

Về mảng cổ phiếu, mặc dù chịu tác động từ Covid-19, giá trị giao dịch mua bán cổ phiếu trên sàn của khách hàng tổ chức (chủ yếu là nước ngoài) tại VCBS vẫn tăng trưởng 15% so với năm 2019. Năm 2020, VCBS đã tư vấn, hỗ trợ các tổ chức nước ngoài đầu tư hàng nghìn tỷ đồng vào thị trường Việt Nam.

Về mảng trái phiếu, VCBS nằm trong danh sách 5 Công ty Chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu Doanh nghiệp lớn nhất, đứng thứ 2 thị phần đầu thầu và môi giới Trái phiếu Chính phủ. Bộ phận Khách hàng Tổ chức cũng đã phối hợp phân phối thành công hàng nghìn tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp (Thaco, NLG, AGG,...) với các nhà đầu tư là các định chế tài chính nước ngoài uy tín trên thị trường Việt Nam.

Không ngừng ở đó, VCBS đã thường xuyên nâng cấp, hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin nhằm cung cấp nền tảng giao dịch hiện đại, tốc độ nhanh, độ chính xác cao và phù hợp cho cả khách hàng trong và ngoài nước. Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm và hệ thống báo cáo phân tích chuyên sâu luôn là ưu tiên của VCBS để mang tới cho khách hàng những dịch vụ chuyên nghiệp, thông tin đa dạng, chính xác và cập nhật nhất.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020 (tiếp theo)

KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

Thành tựu nổi bật

Tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công 2.000 tỷ đồng trái phiếu Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải - Thaco, tiếp tục mở rộng và thu hút nhiều nhà đầu tư lớn bao gồm tổ chức tín dụng, các công ty quản lý quỹ có uy tín tham gia. Đây là thương vụ phát hành trái phiếu thứ hai trong vòng hai năm liên tiếp (2019-2020) mà VCBS tham gia với vai trò đơn vị tư vấn và đại lý phát hành cho Thaco - doanh nghiệp số 1 trong lĩnh vực sản xuất lắp ráp ô tô tại Việt Nam, qua đó thể hiện sự tín nhiệm và tin tưởng rất lớn của Tổ chức phát hành dành cho VCBS từ những kết quả hợp tác ấn tượng trước đó.

Thực hiện đồng bảo lãnh phát hành thành công 2.000 tỷ đồng trái phiếu của Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam - TKV, kỳ hạn 5 năm, bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.



Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp năm 2020

Trên đà tăng trưởng mạnh mẽ của năm 2019, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp năm 2020 của VCBS tiếp tục gặt hái nhiều thành tựu đáng ghi nhận, giúp khẳng định và mở rộng vị thế của VCBS trên thị trường tài chính Việt Nam. Với kinh nghiệm dày dặn và am hiểu chuyên sâu, VCBS đã ký kết và triển khai thành công nhiều thương vụ cho các tổ chức có quy mô lớn và nhỏ thuộc các loại hình và lĩnh vực hoạt động khác nhau, nhận được sự tin tưởng và đánh giá cao từ các đối tác tài chính. Cụ thể:

- ❖ **Đối với dịch vụ Tư vấn và bảo lãnh/đại lý trái phiếu doanh nghiệp**, VCBS đã thực hiện phát hành thành công gần 8.500 tỷ đồng bao gồm các doanh nghiệp như CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam, CTCP Đầu tư Văn Phú Số 2, CTCP Đầu tư và Phát triển Vân Đồn, CTCP Đầu tư Văn Phú Invest và các thương vụ nổi bật như CTCP Ô tô Trường Hải - Thaco (4.000 tỷ đồng), Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam - TKV (2.000 tỷ đồng, thuộc tổ hợp đồng bảo lãnh phát hành). Việc thu xếp thành công nhiều giao dịch phát hành trái phiếu với khối lượng lớn, sản phẩm đa dạng đã tiếp tục khẳng định năng lực của VCBS trong việc cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư, là người đồng hành của doanh nghiệp trong việc tìm kiếm và thu xếp các nguồn vốn trung và dài hạn với lãi suất cạnh tranh nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh của khách hàng; Đối với các nhà đầu tư, VCBS là một thương hiệu tin cậy để giới thiệu các cơ hội đầu tư chất lượng, hiệu quả và chuyên nghiệp.
- ❖ **Về hoạt động tư vấn tài chính truyền thống** (Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp; Tư vấn chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ; Tư vấn niêm yết, v.v...): Bên cạnh việc mở rộng hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu theo xu hướng của thị trường, VCBS vẫn nỗ lực không ngừng mở rộng vị thế với các nghiệp vụ tư vấn truyền thống, vốn vẫn là thế mạnh của Công ty nhằm cung cấp một dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp đầy đủ và đa dạng khi khách hàng có nhu cầu. Trong năm 2020, VCBS đã đạt được một số thành công nhất định như: Tư vấn đăng ký Công ty đại chúng, đăng ký lưu ký và niêm yết cổ phiếu tại HNX cho CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh; Tư vấn đăng ký công ty đại chúng, đăng ký lưu ký cổ phiếu tập trung tại TTLKCK và đăng ký giao dịch Upcom tại HNX cho CTCP Cao su Sông Bé; Tư vấn phát hành cổ phiếu CTCP Thủy điện Gia Lai; Tư vấn chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho CTCP Tập đoàn Đèo Cả; Tư vấn đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường Upcom cho CTCP Sợi Phú Bài; Tư vấn phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho CTCP nông sản thực phẩm Quảng Ngãi; Tư vấn phát hành cổ phiếu cho CTCP Thủy sản Thương mại Thuận Phước.
- ❖ **Đối với hoạt động tư vấn cổ phần hóa và thoái vốn** cho các Tập đoàn, Doanh nghiệp nhà nước, mặc dù năm 2020 là một năm chững lại của hoạt động này đối với toàn bộ thị trường nói chung do nguyên nhân từ vướng mắc khung pháp lý và các điều kiện vĩ mô không thuận lợi, tuy vậy VCBS vẫn ghi dấu ấn qua các giao dịch như: Tư vấn xây dựng phương án thoái vốn và lập hồ sơ bán đấu giá, tư vấn tổ chức bán đấu giá CTCP Petec Bình Định; Tư vấn thoái vốn cổ phần thuộc sở hữu của UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tại CTCP Dịch vụ Môi trường và Công trình Đô thị Vũng Tàu.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020 (tiếp theo)

KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các dịch vụ tư vấn VCBS cung cấp cho doanh nghiệp

Với 19 năm thành lập, đồng hành cùng thị trường chứng khoán ngay từ những ngày đầu và kế thừa nền tảng tài chính vững mạnh, mạng lưới khách hàng từ Ngân hàng mẹ Vietcombank, VCBS đã nhận được sự tin tưởng và đánh giá cao từ các Tập đoàn, Tổng Công ty nhà nước cũng các doanh nghiệp lớn trong nước và quốc tế. Hiện nay, VCBS cung cấp đầy đủ các dịch vụ sau:

 Dịch vụ tư vấn huy động vốn Tư vấn phát hành cổ phiếu, tư vấn phát hành trái phiếu, đại lý phát hành chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán.	 Dịch vụ tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp Tư vấn thoái vốn, tư vấn cổ phần hóa/ chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, tư vấn hoán đổi nợ - vốn cổ phần/ hoán đổi cổ phiếu của doanh nghiệp khác, tư vấn phát hành cổ phiếu trả cổ tức/ phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu.
 Dịch vụ tư vấn mua bán sáp nhập Tư vấn tìm đối tác chiến lược, tư vấn mua bán hoặc sáp nhập doanh nghiệp.	 Dịch vụ tư vấn khác Tư vấn niêm yết, đăng ký giao dịch trên UPCOM, tư vấn đăng ký/ hủy đăng ký đại chúng, tư vấn hoạt động quan hệ cổ đông.

Là Công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn, VCBS có lợi thế kế thừa các chính sách quản trị chuyên nghiệp và nhận được sự hậu thuẫn vững chắc từ Ngân hàng mẹ về nguồn lực tài chính và mạng lưới khách hàng. Trong giai đoạn tới, với sự hỗ trợ từ Ngân hàng mẹ Vietcombank, đặc biệt là sự hợp tác có hệ thống, quy chuẩn giữa Vietcombank và VCBS, Công ty sẽ tiếp tục tập trung vào các mảng đem lại giá trị thặng dư lớn như tư vấn mua bán sáp nhập, bảo lãnh phát hành trái phiếu dành cho khách hàng tổ chức và khách hàng cá nhân, bảo lãnh phát hành cổ phiếu...

VCBS tự hào khi sở hữu nguồn nhân lực chất lượng cao, có chuyên môn tốt, được đào tạo bài bản theo các chuyên ngành Kinh tế - Tài chính trong và ngoài nước, sở hữu các chứng chỉ tài chính do UBCKNN

cấp cũng như các chứng chỉ quốc tế như CPA, ACCA, CFA... Bên cạnh đó, đội ngũ nhân sự tư vấn tài chính doanh nghiệp của VCBS phần lớn đều có thời gian công tác lâu năm tại các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, các định chế tài chính uy tín hàng đầu trong và ngoài nước, nhờ đó chất lượng nghiệp vụ cũng như kinh nghiệm tương tác thực tế của đội ngũ cán bộ đã được thử thách, bồi đắp qua thời gian và trên rất nhiều lĩnh vực ngành nghề của doanh nghiệp. Với định hướng cốt lõi của nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp là trí tuệ và chất xám, VCBS sẽ tiếp tục tuyển dụng cán bộ mới có trình độ chuyên sâu, cũng như không ngừng đào tạo và trau dồi đội ngũ nhân sự hiện hữu để tiếp tục nâng cao vị thế VCBS trên bản đồ thị trường chứng khoán Việt Nam.





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020 (tiếp theo)

KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Thành tựu nổi bật

- 1 **THỊ PHẦN CỦA KHỐI BÁN LẺ VCBS ĐẠT ĐƯỢC KẾT QUẢ CAO TRONG NĂM 2020, VỚI MỨC TĂNG TRƯỞNG THỊ PHẦN 22%.**
- 2 **SỐ TÀI KHOẢN MỞ MỚI ĐẠT GẦN 13.800, TĂNG TRƯỞNG HƠN 120% SO VỚI NĂM 2019 VÀ NÂNG TỔNG SỐ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH TẠI VCBS LÊN TRÊN HƠN 140.000 TÀI KHOẢN.**
- 3 **ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC VỚI VIETCOMBANK TRONG VIỆC GIỚI THIỆU CÁC DỊCH VỤ SẢN PHẨM CỦA VCBS TỚI CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ TRÊN MỌI VÙNG MIỀN CỦA ĐẤT NƯỚC.**
- 4 **ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI TRONG VIỆC CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG THÔNG QUA HỆ THỐNG EMAIL MARKETING.**

Hệ thống cung cấp thông tin Email Marketing

Trong lĩnh vực đầu tư, việc thông tin được cung cấp một cách đầy đủ và kịp thời đến Nhà đầu tư là một việc rất cần thiết. Năm bắt được tầm quan trọng của thông tin, VCBS đã phát triển và đưa vào triển khai hệ thống Email Marketing nhằm cung cấp thông tin tự động đến khách hàng với những ưu điểm sau:

- ♥ Thông tin của các báo cáo phân tích, các ngành/lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế và các doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán mà khách hàng quan tâm,... được tự động gửi đến khách hàng.
- ♥ Hệ thống tự động phân tích và lọc ra những thông tin từng khách hàng quan tâm và thực hiện gửi đến khách hàng ngay sau khi thông tin được công bố.

Trái phiếu doanh nghiệp - Kênh đầu tư hiệu quả

Với mục tiêu đem đến cách tiếp cận dễ dàng cho Khách hàng cá nhân đối với sản phẩm Trái phiếu doanh nghiệp, ngay từ năm 2019, VCBS đã cung cấp đến Khách hàng sản phẩm phân phối Trái phiếu doanh nghiệp thứ cấp với 2 loại sản phẩm: TPDN linh hoạt và TPDN kỳ hạn khắc phục các hạn chế trên. Đặc biệt, sản phẩm TPDN kỳ hạn được thiết kế như một biện pháp thay thế tối ưu cho kênh gửi tiền tiết kiệm có kỳ hạn với mức lãi suất hấp dẫn. Tiếp nối những kết quả ban đầu của năm 2019, năm 2020, VCBS đã triển khai phân phối thành công TPDN CEO, VPI và Apromaco. Với cương vị là một trong những đơn vị tư vấn, bảo lãnh phát hành trái phiếu uy tín trên thị trường, VCBS có tiềm năng to lớn trong việc cung cấp càng ngày càng nhiều các sản phẩm trái phiếu đến nhà đầu tư đặc biệt là khách hàng cá nhân với mức lãi suất hấp dẫn trong thời gian tới.

Ủy thác quản lý Tài khoản chứng khoán

Năm 2020, VCBS tiếp tục phát triển sản phẩm Ủy thác quản lý tài khoản khách hàng (VCBS Privilege), mở rộng chiến lược đầu tư phù hợp với khẩu vị rủi ro của mỗi cá nhân khách hàng, VCBS đã đạt được những thành tích ấn tượng trong năm vừa qua. Với đội ngũ chuyên gia trực tiếp xây dựng chiến lược đầu tư, quản lý tài khoản chặt chẽ, VCBS Privilege sẽ luôn là sản phẩm đặc lực cho những khách hàng bận rộn với chi phí thấp.

Chính sách linh hoạt

Trong năm 2020 với tình hình dịch bệnh covid và sự bùng nổ về giá trị giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam, VCBS đã luôn song hành cùng các nhà đầu tư trong mỗi biến động của thị trường, triển khai các chính sách liên quan tới phí giao dịch, lãi suất hỗ trợ tài chính đầy linh hoạt, hỗ trợ tốt nhất cho các Khách hàng để tối ưu hóa hiệu quả đầu tư cũng như chia sẻ những khó khăn của Nhà đầu tư trong bối cảnh tình hình dịch bệnh có nhiều ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống và công việc.

Dịch vụ chăm sóc khách hàng hiện đại, chuyên nghiệp

Là đơn vị luôn tiên phong ứng dụng công nghệ hiện đại vào các hoạt động kinh doanh cũng như chăm sóc khách hàng. Hệ thống chăm sóc khách hàng - VCBS Contact Center với công nghệ hiện đại, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để cung cấp những dịch vụ thông minh:

- ♥ Giao tiếp đa kênh với VCBS thông qua: website trực tuyến, điện thoại, thư điện tử, tin nhắn và các thiết bị thông minh khác.
- ♥ Trả lời tự động 24/7 khi khách hàng truy vấn số dư, truy vấn kết quả giao dịch trong ngày.
- ♥ Hệ thống nhận diện thông minh, phân bổ tự động và chăm sóc tức thời bởi đội ngũ Tư vấn viên chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm.
- ♥ Hội nghị 3 bên giữa Khách hàng - Tư vấn viên - Chuyên gia VCBS.
- ♥ Để lại lời nhắn để VCBS liên lạc hỗ trợ...

Mở rộng mạng lưới chăm sóc khách hàng

Năm 2020 đánh dấu sự phát triển vượt bậc về hợp tác toàn diện giữa VCBS và hệ thống Vietcombank trên cả nước để mở rộng mạng lưới chăm sóc khách hàng và hỗ trợ hoàn thiện các thủ tục một cách thuận tiện. Các khách hàng của VCBS có thể tiếp cận các sản phẩm dịch vụ chứng khoán 1 cách nhanh chóng và thuận lợi qua các đầu mối hỗ trợ tại toàn bộ các chi nhánh điểm giao dịch trong hệ thống Vietcombank trên cả nước.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2020

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng tài sản của Công ty cuối năm 2020 tăng 66% so với đầu năm, chủ yếu do Công ty mở rộng quy mô hoạt động đầu tư và hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ trong năm 2020. Cơ cấu tài sản không có nhiều thay đổi khi hoạt động đầu tư và cho vay giao dịch ký quỹ chiếm tỷ trọng lớn trong Tổng tài sản của Công ty. Hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty được cải thiện đáng kể khi Lợi nhuận sau thuế năm 2020 tăng trưởng 80%, cao hơn 21% mức tăng trưởng của tổng tài sản. Công ty luôn đảm bảo chất lượng các tài sản, không phát sinh các khoản phải thu xấu, tài sản xấu trong kỳ.

 **TỔNG TÀI SẢN TĂNG ↑66%**

 **LỢI NHUẬN SAU THUẾ TĂNG ↑80%**

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

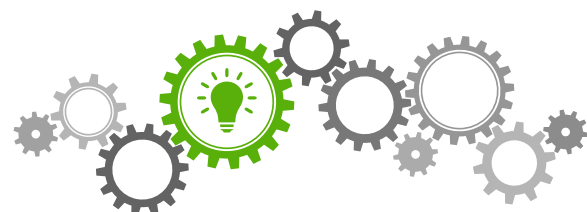
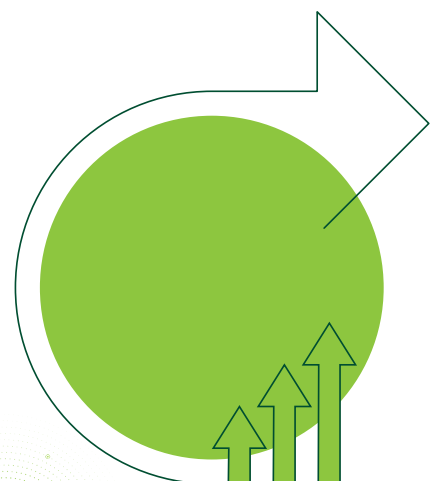
Tổng Nợ phải trả của Công ty cuối năm 2020 tăng 101% so với đầu năm, trong đó chủ yếu tăng các khoản nợ vay ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh thường xuyên.

Trong năm 2020, Công ty luôn đảm bảo trả tất cả các khoản nợ gốc, lãi phát sinh đúng cam kết với đối tác, không phát sinh bất kỳ trường hợp nợ xấu trong kỳ. Ngoài ra số dư ngoại tệ của Công ty nhỏ, do đó ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ không đáng kể.



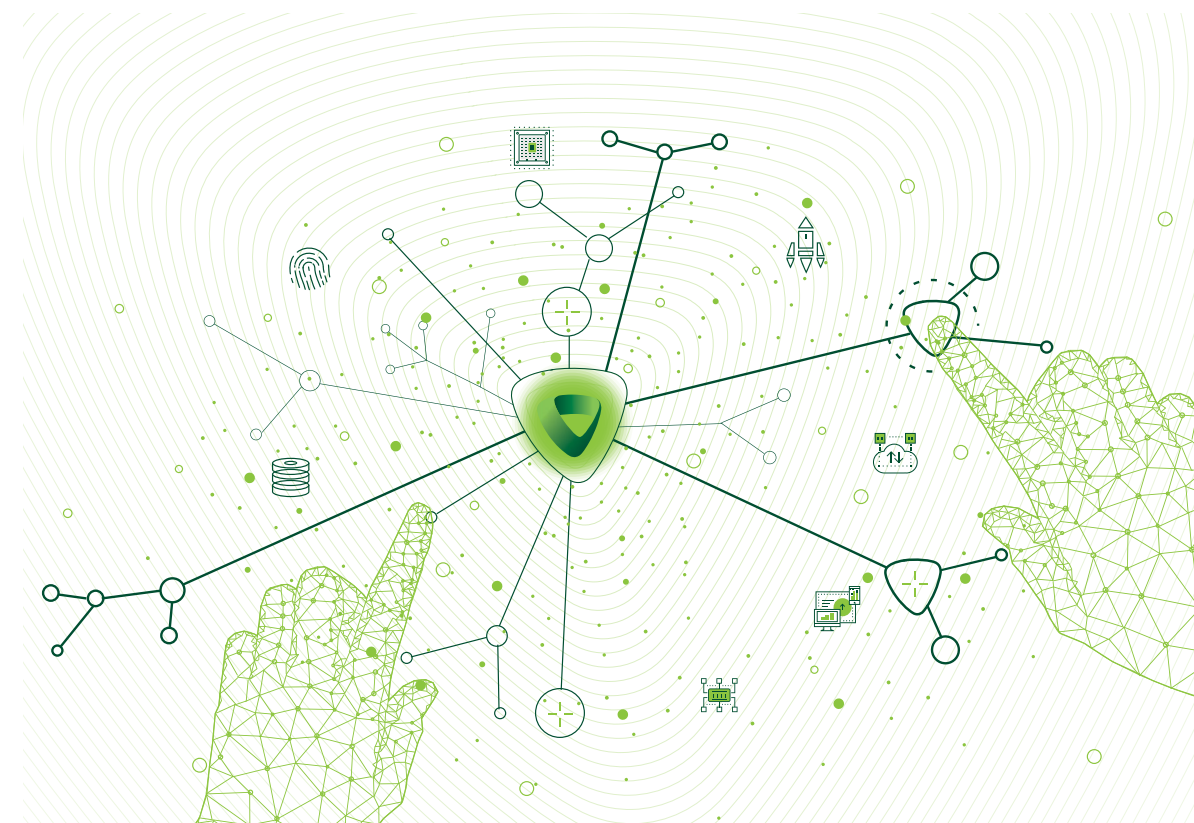
NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2020, VCBS vẫn hoạt động hiệu quả với cơ cấu Công ty TNHH MTV. Các chính sách nội bộ được cập nhật liên tục đảm bảo các hoạt động của công ty luôn tuân thủ quy định pháp luật, đồng thời hỗ trợ cho Ban Giám đốc điều hành một cách hiệu quả.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Đối với định hướng chiến lược, Công ty hướng đến mục tiêu trở thành một trong các ngân hàng đầu tư hàng đầu tại Việt Nam. Đối với năm 2021, Công ty đặt ra mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận 20% so với năm 2020, ngoài ra Công ty cũng đề ra nhiều chương trình, giải pháp tăng cường hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng nhân sự và các giải pháp khác nhằm triển khai các đề án chiến lược đã đề ra.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Như đã trình bày chi tiết tại mục **Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty (trang 40)**, trong năm 2020, VCBS luôn tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến môi trường và người lao động. Ban Lãnh đạo Công ty luôn dành sự quan tâm và ủng hộ đối với các hoạt động vì cộng đồng do các tổ chức và đoàn thể tại địa phương phát động



VỮNG VÀNG THƯƠNG HIỆU
CHINH PHỤC TẦM CAO MỚI



THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy phép Thành lập và Hoạt động

09/GPHĐKD ngày 24 tháng 4 năm 2002

Giấy phép Thành lập và Hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 63/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2017.

Hội đồng Thành viên

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Chủ tịch
Bà Hoàng Diễm Thùy	Thành viên
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thúy Quỳnh	Trưởng ban
Bà La Thị Hồng Minh	Thành viên
Bà Trần Kim Vân	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Mạnh Hùng	Giám đốc
Ông Lê Việt Hà	Phó Giám đốc
Ông Trần Việt Hưng	Phó Giám đốc
Ông Đỗ Thanh Phong	Phó Giám đốc (bổ nhiệm từ 1/1/2020)
Ông Phan Anh Vũ	Phó Giám đốc (miễn nhiệm từ 16/3/2020)

Trụ sở đăng ký

Tầng 12 và 17, Tòa nhà Vietcombank
Số 198 Trần Quang Khải
Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- » báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 59 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- » tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Việt Hà
Phó Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 2 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Chủ sở hữu

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 2 năm 2021 được trình bày từ trang 66 đến trang 119.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00171-21-3



Đoàn Thanh Toàn

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3073-2019-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 2 năm 2021

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3065-2019-007-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B01 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		5.800.061.291.477	3.500.673.340.378
I. Tài sản tài chính	110		5.798.006.867.128	3.497.231.542.048
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	13.602.282.946	66.603.610.333
1.1. Tiền	111.1		13.602.282.946	66.603.610.333
2. Các tài sản tài chính ("TSTC") ghi nhận thông qua lãi/lỗ	112	7(a)	3.788.481.310.252	2.121.753.401.683
4. Các khoản cho vay	114	7(b)	1.673.902.959.274	1.188.983.355.732
5. Các TSTC sẵn sàng để bán	115	7(c)	7.913.262.000	8.010.876.000
7. Các khoản phải thu	117	8	95.122.786.116	45.612.313.119
7.1. Phải thu bán các TSTC	117.1		2.777.724.100	-
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	117.2		92.345.062.016	45.612.313.119
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		92.345.062.016	45.612.313.119
8. Trả trước cho người bán	118		1.429.554.500	2.411.173.997
9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	9	6.504.568.211	17.019.713.376
12. Các khoản phải thu khác	122	10	214.939.337.874	50.630.884.149
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	11	(3.889.194.045)	(3.793.786.341)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		2.054.424.349	3.441.798.330
1. Tạm ứng	131		-	15.152.000
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		167.133.736	1.277.031.546
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12(a)	1.886.990.613	2.149.314.784
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		300.000	300.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

Mẫu B01 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250)	200		47.954.026.166	45.138.225.404
II. Tài sản cố định	220		12.238.439.570	9.500.208.093
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	9.464.917.154	6.639.081.050
- Nguyên giá	222		55.081.055.868	51.748.842.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(45.616.138.714)	(45.109.761.150)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	2.773.522.416	2.861.127.043
- Nguyên giá	228		28.405.353.051	26.970.378.001
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(25.631.830.635)	(24.109.250.958)
V. Tài sản dài hạn khác	250		35.715.586.596	35.638.017.311
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		4.063.201.255	3.895.550.455
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	12(b)	1.652.385.341	1.742.466.856
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	16	20.000.000.000	20.000.000.000
5. Tài sản dài hạn khác	255		10.000.000.000	10.000.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.848.015.317.643	3.545.811.565.782

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B01 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		4.042.139.161.313	2.005.688.892.752
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		4.022.572.463.414	1.813.393.991.917
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	17	2.716.230.093.141	1.160.593.598.660
1.1. Vay ngắn hạn	312		2.716.230.093.141	1.160.593.598.660
4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316	22	68.300.000.000	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	18	7.614.738.873	3.034.522.551
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	19	1.056.208.319	6.799.839.164
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		465.600.000	785.600.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	20	30.569.795.581	13.866.447.422
11. Phải trả người lao động	323		30.719.211.195	29.212.644.891
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	21	4.411.298.961	4.715.676.164
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		332.535.919	602.955.912
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		15.574.275.721	24.130.291.461
20. Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ	332		1.147.298.705.704	569.652.415.692
II. Nợ phải trả dài hạn	340		19.566.697.899	192.294.900.835
4. Trái phiếu phát hành dài hạn	346	22	-	182.300.000.000
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	15	19.566.697.899	9.994.900.835
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.805.876.156.330	1.540.122.673.030
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.805.876.156.330	1.540.122.673.030
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		(221.390.400)	(143.299.200)
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		34.288.937.875	21.199.307.334
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		76.223.663.835	63.134.033.294
6. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		30.762.096.449	30.762.096.449
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		664.822.848.571	425.170.535.153
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		589.310.155.147	433.917.917.110
7.2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	417.2		75.512.693.424	(8.747.381.957)
TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		5.848.015.317.643	3.545.811.565.782

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

Mẫu B01 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		174.689.225	174.689.225
8. TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm lưu ký chứng khoán ("TTLKCK") của CTCK	008	23(a)	155.716.280.000	199.538.590.000
9. TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của CTCK	009	23(b)	20.000	200.000
10. TSTC chờ về của CTCK	010	23(c)	50.000.000	3.716.800.000
12. TSTC chưa lưu ký tại TTLKCK của CTCK	012	23(d)	61.327.190.000	61.327.190.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLKCK của Nhà đầu tư	021	23(e)	49.316.548.260.000	39.014.612.420.000
a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		37.828.581.850.000	29.628.399.620.000
b. TSTC hạn chế chuyển nhượng	021.2		391.043.490.000	293.704.440.000
c. TSTC giao dịch cầm cố	021.3		10.237.614.530.000	8.946.981.870.000
d. TSTC phong tỏa, tạm giữ	021.4		145.160.000	190.000.000
e. TSTC chờ thanh toán	021.5		859.163.230.000	145.336.490.000
2. TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	23(f)	72.748.490.000	17.297.190.000
a. TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		70.773.900.000	8.960.000.000
b. TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		1.974.590.000	8.337.190.000
3. TSTC chờ về của Nhà đầu tư	023	23(g)	354.471.610.000	87.112.390.000
7. Tiền gửi của khách hàng	026		4.418.690.736.407	1.020.626.055.116
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	23(h)	3.378.039.377.709	834.721.235.761
7.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	23(h)	1.016.277.126.642	159.245.842.721
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	23(h)	3.953.704.157	3.946.173.827
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		2.325.297.819	2.320.833.786

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B01 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		1.628.406.338	1.625.340.041
7.4. Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	030	23(i)	20.420.527.899	22.712.802.807
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	23(j)	4.400.128.841.016	998.202.019.900
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		2.760.163.448.414	885.580.615.236
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		1.639.965.392.602	112.621.404.664
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	23(k)	18.561.895.391	22.424.035.216

Ngày 26 tháng 2 năm 2021

Người lập:

Người duyệt:


Lê Thu Hiền
Kế toán Tổng hợp


Lê Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng


Lê Việt Hà
Phó Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

Mẫu B02 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01		275.769.472.458	236.305.861.683
a. Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.1	24(a)	40.416.166.190	77.887.389.088
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.2	26	54.623.012.736	16.834.016.067
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.3	24(b)	180.730.293.532	141.584.456.528
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	24(b)	103.751.089.752	101.922.012.431
1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	04	24(b)	97.614.000	59.037.000
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	24(c)	210.074.613.317	120.292.679.986
1.7. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	24(c)	51.202.121.739	26.054.528.940
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	24(c)	16.565.627.372	17.607.618.644
1.10. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính	10	24(c)	1.280.090.909	11.405.090.909
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	24(c)	21.221.636.025	14.277.118.631
Cộng doanh thu hoạt động	20		679.962.265.572	527.923.948.224
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21		(2.337.218.763)	42.699.115.289
a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.1	25	47.466.963.667	23.739.248.604
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.2	26	(50.702.081.490)	18.257.350.142
c. Chi phí giao dịch mua các TSTC thông qua lãi/lỗ	21.3		897.899.060	702.516.543
2.4. Chi phí dự phòng TSTC, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm các tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		175.176.153	(1.535.372)
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		9.433.642.541	10.104.280.512
2.7. Chi phí môi giới chứng khoán	27		114.009.665.962	79.463.597.107
2.8. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		20.015.175.165	10.458.450.220
2.9. Chi phí tư vấn, đầu tư chứng khoán	29		14.972.299	-
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		20.023.009.784	20.455.608.657
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		4.351.725.759	6.452.478.979
Cộng chi phí hoạt động	40		165.686.148.900	169.631.995.392

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B02 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
III DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	27	26.448.192	9.422.486
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng	42	27	1.647.254.834	1.484.215.249
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		1.673.703.026	1.493.637.735
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51	28	21.035.140	12.211.271
4.2. Chi phí lãi vay	52	28	89.668.063.988	88.667.574.044
Cộng chi phí tài chính	60		89.689.099.128	88.679.785.315
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	29	102.938.464.793	86.555.557.206
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 - 40 + 50 - 60 - 62)	70		323.322.255.777	184.550.248.046
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71		376.272.800	883.727.273
8.2. Chi phí khác	72		1	14.031.000
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		376.272.799	869.696.273
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		323.698.528.576	185.419.944.319
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		218.373.434.350	186.843.278.394
9.2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	92	26	105.325.094.226	(1.423.334.075)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

Mẫu B02 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	100		61.905.917.766	39.826.162.587
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	30	52.314.597.902	35.226.486.022
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	30	9.591.319.864	4.599.676.565
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		261.792.610.810	145.593.781.732
XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300			
12.1. Lỗ từ đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	301		(78.091.200)	(47.229.600)
TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN (400 = 300 + 301)	400		261.714.519.610	145.546.552.132

Ngày 26 tháng 2 năm 2021

Người lập:

Người duyệt:

Lê Thu Hiền
Kế toán Tổng hợp

Lê Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng

Lê Việt Hà
Phó Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03b - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	323.698.528.576	185.419.944.319
2. Điều chỉnh cho các khoản	02	2.497.866.809	45.878.370.140
- Khấu hao tài sản cố định	03	6.219.247.573	4.340.660.087
- Các khoản dự phòng	04	95.407.704	271.487.226
- Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	(5.480.697)	2.061.242
- Chi phí lãi vay	06	89.668.063.988	88.667.574.044
- Lãi từ hoạt động đầu tư	07	(1.984.345.743)	(2.364.124.340)
- Dự thu tiền lãi	08	(91.495.026.016)	(45.039.288.119)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10	(50.702.081.490)	18.257.350.142
- Lỗ đánh giá lại giá trị TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	11	(50.702.081.490)	18.257.350.142
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	(54.623.012.736)	(16.834.016.067)
- Lãi đánh giá lại giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	19	(54.623.012.736)	(16.834.016.067)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	(2.286.862.989.720)	(770.548.496.912)
- Tăng TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31	(1.561.402.814.343)	(253.600.331.625)
- Tăng các khoản cho vay	33	(484.919.603.542)	(394.593.834.675)
- (Tăng)/giảm phải thu bán các TSTC	35	(2.777.724.100)	479.360.000
- Giảm các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	44.762.277.119	37.713.578.139
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu về các dịch vụ CTCK cung cấp	37	10.515.145.165	(10.996.609.172)
- Tăng các khoản phải thu khác	39	(164.969.656.786)	(3.239.990.210)
- Giảm/(tăng) các tài sản khác	40	1.125.049.810	(289.590.846)
- Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	258.578.411	-
- Giảm chi phí trả trước	42	352.405.686	805.586.973
- Thuế TNDN đã nộp	43	(29.631.496.652)	(36.309.018.361)
- Lãi vay đã trả	44	(90.911.729.590)	(92.947.568.576)
- (Giảm)/tăng phải trả cho người bán	45	(4.762.011.348)	2.104.633.607
- Giảm các khoản trích lập phúc lợi nhân viên	46	-	(58.480.750)
- Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	9.223.911.782	188.593.204
- Tăng/(giảm) phải trả người lao động	48	1.506.566.304	(3.244.554.226)
- Tăng phải trả, phải nộp khác	50	3.830.325.558	418.000.640
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51	712.600.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	(19.774.813.194)	(16.978.271.034)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(2.065.991.688.561)	(537.826.848.378)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

Mẫu B03b - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(8.957.479.050)	(6.580.819.374)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, BĐSĐT và tài sản khác	62	337.090.909	879.909.091
4. Tiền thu từ đầu tư khác	64	1.647.254.834	1.484.215.249
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(6.973.133.307)	(4.216.695.034)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	73	81.174.462.375.990	37.560.007.393.648
3.2. Tiền vay khác	73.2	81.174.462.375.990	37.560.007.393.648
4. Tiền trả nợ gốc vay	74	(79.154.498.881.509)	(37.052.749.875.287)
4.3. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3	(79.154.498.881.509)	(37.052.749.875.287)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	2.019.963.494.481	507.257.518.361
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)	90	(53.001.327.387)	(34.786.025.051)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm			
Tiền	101.1	66.603.610.333	101.389.635.384
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101) (Thuyết minh 5)			
Tiền	103.1	13.602.282.946	66.603.610.333

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Mã số	2020 VND	2019 VND
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	374.957.450.411.796	316.401.374.701.350
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(417.078.996.413.655)	(369.013.069.734.857)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	45.740.932.469.276	52.599.054.409.296
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(210.069.549.317)	(120.267.880.101)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(8.959.961.901)	(11.148.775.787)
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	21.519.902.766.796	18.794.935.187.230
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(21.522.195.041.704)	(18.847.264.721.301)
Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm	20	3.398.064.681.291	(196.386.814.170)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	1.020.626.055.116	1.217.012.869.286
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	1.020.626.055.116	1.217.012.869.286
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	834.721.235.761	974.421.061.569
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	159.245.842.721	163.610.833.436
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	3.946.173.827	3.938.637.403
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	22.712.802.807	75.042.336.878

	Mã số	2020 VND	2019 VND
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	4.418.690.736.407	1.020.626.055.116
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41	4.418.690.736.407	1.020.626.055.116
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	3.378.039.377.709	834.721.235.761
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	1.016.277.126.642	159.245.842.721
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	3.953.704.157	3.946.173.827
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	20.420.527.899	22.712.802.807

Ngày 26 tháng 2 năm 2021

Người lập:

Người duyệt:


Lê Thu Hiền
Kế toán Tổng hợp


Lê Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng


Lê Việt Hà
Phó Giám đốc



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B04 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Số dư đầu năm			Số tăng/giảm					Số dư cuối năm	
1/1/2019		1/1/2020	2019			2020		31/12/2019	31/12/2020
VND		VND	Tăng VND	Giảm (i) VND	Tăng VND	Giảm (i) VND	VND	VND	
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	-	-	-	-	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
	- Vốn góp của chủ sở hữu	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	-	-	-	-	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
3.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	13.919.618.247	21.199.307.334	7.279.689.087	-	13.089.630.541	-	21.199.307.334	34.288.937.875
4.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	55.854.344.207	63.134.033.294	7.279.689.087	-	13.089.630.541	-	63.134.033.294	76.223.663.835
5.	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	(96.069.600)	(143.299.200)	-	(47.229.600)	-	(78.091.200)	(143.299.200)	(221.390.400)
7.	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	30.762.096.449	30.762.096.449	-	-	-	-	30.762.096.449	30.762.096.449
8.	Lợi nhuận chưa phân phối	320.016.852.803	425.170.535.153	145.593.781.732	(40.440.099.382)	261.792.610.810	(22.140.297.392)	425.170.535.153	664.822.848.571
8.1.	Lợi nhuận đã thực hiện	327.625.567.500	433.917.917.110	146.732.448.992	(40.440.099.382)	177.532.535.429	(22.140.297.392)	433.917.917.110	589.310.155.147
8.2.	Lỗ/(lợi nhuận) chưa thực hiện	(7.608.714.697)	(8.747.381.957)	(1.138.667.260)	-	84.260.075.381	-	(8.747.381.957)	75.512.693.424
TỔNG CỘNG		1.420.456.842.106	1.540.122.673.030	160.153.159.906	(40.487.328.982)	287.971.871.892	(22.218.388.592)	1.540.122.673.030	1.805.876.156.330
II. Thu nhập toàn diện khác									
1.	Lỗ từ đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	(96.069.600)	(143.299.200)	-	(47.229.600)	-	(78.091.200)	(143.299.200)	(221.390.400)
TỔNG CỘNG		(96.069.600)	(143.299.200)	-	(47.229.600)	-	(78.091.200)	(143.299.200)	(221.390.400)

(i) Giảm lợi nhuận sau thuế đã thực hiện trong năm bao gồm: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 10.338.546.654 VND, trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ 26.179.261.082 VND, điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các năm 2017, 2018 và 2019 do ảnh hưởng của việc áp dụng Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 sửa đổi bổ sung Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết (15.203.664.873 VND), và giảm khác 826.154.529 VND.

Ngày 26 tháng 2 năm 2021

Người lập:Người duyệt:


Lê Thu Hiền
Kế toán Tổng hợp


Lê Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng


Lê Việt Hà
Phó Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B09 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Cơ sở thành lập

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 09/GPHĐKD được cấp lần đầu ngày 24 tháng 4 năm 2002 tại Việt Nam. Công ty được sở hữu 100% bởi Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

Hội sở chính của Công ty đặt tại Tầng 12 và 17, Tòa nhà Vietcombank, Số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có một (1) Hội sở chính, hai (2) chi nhánh, bốn (4) văn phòng đại diện và năm (5) phòng giao dịch (1/1/2020: một (1) Hội sở chính, hai (2) chi nhánh, bốn (4) văn phòng đại diện và năm (5) phòng giao dịch).

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ của Công ty là 1.000.000.000.000 VND (1/1/2020: 1.000.000.000.000 VND).

(c) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là: môi giới chứng khoán, cho vay ký quỹ; tự doanh chứng khoán; lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán; và tư vấn đầu tư chứng khoán.

(d) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 286 nhân viên (1/1/2020: 277 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Mẫu B09 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động.

(b) Tài sản và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong Báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- » Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ: Xem Thuyết minh 3(d);
- » Các TSTC sẵn sàng để bán: Xem Thuyết minh 3(e);
- » Các khoản cho vay và phải thu: Xem Thuyết minh 3(f).

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(iv) Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và số dư thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cấn trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(v) Xác định giá thị trường hoặc giá trị hợp lý

Đối với các TSTC là chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom), giá thị trường là giá đóng cửa của thị trường UpCom tại ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC, Công ty xác định giá thị trường là giá bình quân của giá giao dịch tại ngày gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi 3 công ty chứng khoán.

Trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, hoặc giá thị trường có nhiều biến động, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính theo yêu cầu thông qua các kỹ thuật đánh giá. Đối với TSTC là công cụ nợ, Công ty áp dụng kỹ thuật định giá giá trị hiện tại ròng và dòng tiền chiết khấu. Các giả định và yếu tố đầu vào được sử dụng trong kỹ thuật định giá bao gồm lãi suất không có rủi ro, mức chênh lệch tín dụng và các chỉ tiêu khác để ước tính tỷ lệ chiết khấu.

(vi) Xác định và đánh giá suy giảm giá trị

Cuối kỳ kế toán năm, Công ty đánh giá liệu có các bằng chứng khách quan rằng các TSTC không thuộc nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ có bị suy giảm giá trị hay không. Một TSTC hoặc một nhóm các TSTC được xem là suy giảm giá trị khi có các bằng chứng khách quan cho thấy có một sự kiện xảy ra sau khi tài sản được ghi nhận ban đầu và sự kiện này có ảnh hưởng đến các dòng tiền trong tương lai từ tài sản này có thể ước tính một cách tin cậy.

Một số bằng chứng khách quan cho thấy các TSTC bị suy giảm giá trị bao gồm:

- » Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- » Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- » Bên cho vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay mà bên cho vay không thể xem xét hơn được;
- » Bên đi vay có khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính;
- » Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm về dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các TSTC kể từ khi ghi nhận ban đầu.

Nếu có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về suy giảm giá trị của TSTC thì Công ty sẽ phải xác định giá trị của bất kỳ khoản lỗ do suy giảm giá trị của TSTC này và ghi nhận lỗ suy giảm giá trị của các TSTC vào lãi/lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động.

Mẫu B09 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Trong trường hợp nếu TSTC được đánh giá khôi phục mức suy giảm giá trị trước đó, Công ty sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã được trích lập trước đó.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

(d) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- » TSTC được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ. TSTC được phân loại vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ, nếu:
 - » tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - » có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - » công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- » Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế các TSTC (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc giá khớp lệnh tại các Sở giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết), không bao gồm các chi phí giao dịch phát sinh liên quan đến việc mua các TSTC này.

Sau ghi nhận ban đầu, các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được phản ánh theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (khi không có giá thị trường) tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Mọi khoản chênh lệch tăng/giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được hạch toán vào lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế tại ngày gần nhất tính đến ngày báo cáo nhưng không quá một tháng tính đến ngày báo cáo được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan với Công ty. Trong trường hợp không có giá giao dịch trong khoảng thời gian này, Công ty ghi nhận các chứng khoán này theo giá gốc.

(e) Các TSTC sẵn sàng để bán

Các TSTC sẵn sàng để bán là các TSTC phi phái sinh được chủ đích phân loại là sẵn sàng để bán hoặc là những TSTC còn lại.

Các TSTC sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua các TSTC đó như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng.

Sau ghi nhận ban đầu, các TSTC sẵn sàng để bán được phản ánh theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Mọi khoản đánh giá tăng/giảm giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán được ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính sẵn sàng để bán bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. “Đáng kể” dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và “kéo dài” được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

(f) Các khoản cho vay và phải thu từ hoạt động cho vay

Các khoản cho vay và phải thu từ hoạt động cho vay là các TSTC với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường. Các khoản cho vay của Công ty bao gồm các khoản cho vay ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng margin của khách hàng.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC (nếu có).

Dự phòng suy giảm giá trị của khoản cho vay được xác định bằng cách tham khảo chênh lệch giữa giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tương ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC, từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Phương tiện vận chuyển	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu hay phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(m) Các hợp đồng bán và cam kết mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng bán và cam kết mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các hợp đồng mua lại trái phiếu Chính phủ được theo dõi tại khoản mục “Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ” trên báo cáo tình hình tài chính.

(n) Các quỹ dự trữ pháp định

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm theo quyết định của Chủ sở hữu.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về vốn, tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, tổ chức bảo hiểm.

Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

(o) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Lãi/lỗ từ bán các TSTC

Lãi/lỗ từ bán các TSTC được ghi nhận khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh của các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch từ ngày không hưởng quyền.

Đối với cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Doanh thu tiền lãi từ các TSTC được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu lãi cho vay giao dịch ký quỹ và hoạt động chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán của khách hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

(iii) Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

(iv) Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán là các khoản phí, hoa hồng được hưởng theo thỏa thuận tại hợp đồng, thường được tính trên giá trị chứng khoán đã phát hành thành công. Các khoản doanh thu này được ghi nhận căn cứ theo thỏa thuận/biên bản thanh lý với Tổ chức phát hành chứng khoán.

(v) Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(vi) Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh trên cơ sở dồn tích.

(s) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài oil và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới Ngân hàng mẹ và các công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết của Ngân hàng mẹ.

(u) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 210 không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

(a) Tổng quan

Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các loại rủi ro chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- » rủi ro tín dụng;
- » rủi ro thanh khoản; và
- » rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý những rủi ro này như sau:

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay, các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định. Đồng thời, Ban Giám đốc cũng đánh giá và thiết lập danh mục tài sản đảm bảo cho phép, các điều kiện cho vay và quy định về xử lý nợ vay.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Ban Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các TSTC thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	13.602.282.946	66.603.610.333
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(ii)	3.444.188.256.436	1.850.775.431.803
Các khoản cho vay	(iii)	1.673.902.959.274	1.188.983.355.732
Các khoản phải thu từ TSTC	(iii)	95.122.786.116	45.612.313.119
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	(iii)	6.504.568.211	17.019.713.376
Các khoản phải thu khác	(iii)	214.939.337.874	50.630.884.149
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	(iii)	300.000	300.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	(iii)	4.063.201.255	3.895.550.455
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	(iv)	20.000.000.000	20.000.000.000
Tài sản dài hạn khác - Tiền nộp Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh	(iv)	10.000.000.000	10.000.000.000
		5.482.323.692.112	3.253.521.158.967

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tín dụng này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán nợ có tính thanh khoản cao, ngoại trừ trường hợp đầu tư phục vụ mục đích chiến lược dài hạn, các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Công ty.

(iii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn và dài hạn

Theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành, Công ty có thể cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng ký quỹ. Công ty tuân thủ theo quy định về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ tại Quyết định số 637/QĐ-UBCK ngày 30 tháng 8 năm 2011 và Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa thu được và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu của khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Không có khoản phải thu nào quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Biến động trong năm của dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	3.793.786.341	3.522.299.115
Tăng dự phòng trong năm	268.226.153	487.687.226
Hoàn nhập/sử dụng dự phòng trong năm	(172.818.449)	(216.200.000)
Số dư cuối năm	3.889.194.045	3.793.786.341

(iv) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán và tiền nộp Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liên trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải đóng góp một khoản tiền tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng tháng Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam sẽ thực hiện đánh giá quy mô Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh và định giá lại giá trị tài sản đóng góp Quỹ bù trừ để xác định nghĩa vụ đóng góp của Công ty.

(c)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngắn hạn ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

31/12/2020

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.716.230.093.141	2.733.827.306.986	2.733.827.306.986
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	7.614.738.873	7.614.738.873	7.614.738.873
Phải trả người bán ngắn hạn	1.056.208.319	1.056.208.319	1.056.208.319
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.411.298.961	4.411.298.961	4.411.298.961
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	332.535.919	332.535.919	332.535.919
Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ	1.147.298.705.704	1.147.662.500.000	1.147.662.500.000
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	68.300.000.000	73.422.500.000	73.422.500.000
	3.945.243.580.917	3.968.327.089.058	3.968.327.089.058

1/1/2020

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Trong vòng 1 - 2 năm VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.160.593.598.660	1.162.936.744.074	1.162.936.744.074	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.034.522.551	3.034.522.551	3.034.522.551	-
Phải trả người bán ngắn hạn	6.799.839.164	6.799.839.164	6.799.839.164	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.715.676.164	4.715.676.164	4.715.676.164	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	602.955.912	602.955.912	602.955.912	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	569.652.415.692	574.355.915.692	574.355.915.692	-
Trái phiếu phát hành dài hạn	182.300.000.000	213.291.000.000	15.495.500.000	197.795.500.000
	1.927.699.008.143	1.965.736.653.557	1.767.941.153.557	197.795.500.000

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro tỷ giá hối đoái, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu.

(i) **Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty là không trọng yếu.

(ii) **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu của khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác và các khoản vay và nợ ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.602.282.946	66.603.610.333
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	2.811.961.121.166	1.195.051.933.644
Các khoản cho vay	1.673.902.959.274	1.188.983.355.732
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	20.000.000.000
Tiền nộp Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh	10.000.000.000	10.000.000.000
Phải thu hoạt động chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	207.185.905.873	45.317.580.439
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(2.716.230.093.141)	(1.160.593.598.660)
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	(68.300.000.000)	-
Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ	(1.147.298.705.704)	(569.652.415.692)
Trái phiếu phát hành dài hạn	-	(182.300.000.000)
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	632.227.135.270	655.723.498.159

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 5.057.817.082 VND lợi nhuận thuần của Công ty (1/1/2020: 5.245.787.985 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(iii) **Rủi ro về giá cổ phiếu**

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ. Ban Giám đốc Công ty theo dõi các chứng khoán niêm yết trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá thị trường của các cổ phiếu niêm yết và chứng chỉ quỹ niêm yết của Công ty là 277.137.877.489 VND (1/1/2020: 200.803.232.802 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 10% tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong năm của Công ty sẽ tăng hoặc giảm tương ứng 22.171.030.199 VND (2019: 4.819.277.587 VND).

5. **TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	13.438.047.485	66.468.619.889
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	164.235.461	134.990.444
	13.602.282.946	66.603.610.333

6. **GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	2020		2019	
	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND
Của Công ty				
Cổ phiếu	56.328.181	1.332.555.839.900	66.015.116	1.490.274.235.400
Trái phiếu	219.000.000	26.115.651.500.000	165.215.688	18.194.668.121.568
Của Nhà đầu tư				
Cổ phiếu	8.440.807.872	120.629.177.143.110	3.647.440.351	64.774.450.347.890
Trái phiếu	825.099.146	92.576.176.974.872	1.020.884.418	108.152.012.948.221
Chứng khoán khác	2.321.970	30.642.454.300	654.630	9.584.185.400
		240.684.203.912.182		192.620.989.838.479

CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

(a) TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	235.767.335.325	277.137.877.489	260.733.589.193	200.803.232.802
Cổ phiếu chưa niêm yết	64.299.452.383	30.748.475.391	64.299.452.383	37.748.475.391
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	26.003.332.765	36.406.700.936	26.003.332.765	32.426.261.687
Trái phiếu niêm yết	1.063.794.347.601	1.135.723.527.402	545.327.363.585	582.734.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết	737.325.975.398	741.564.729.034	713.788.741.203	744.551.644.130
Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	1.566.900.000.000	1.566.900.000.000	522.535.150.000	523.489.787.673
	3.694.090.443.472	3.788.481.310.252	2.132.687.629.129	2.121.753.401.683

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cổ phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi có giá gốc là 1.396.420 triệu VND (1/1/2020: 601.275 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, trái phiếu niêm yết có giá gốc là 1.063.794 triệu VND (1/1/2020: 545.327 triệu VND) đã được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai.

(b) Các khoản cho vay

	31/12/2020 VND		1/1/2020 VND	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ (i)	1.673.902.959.274	(*)	1.188.983.355.732	(*)

(i) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc tối đa là 90 ngày và hưởng lãi suất năm từ 10,0% đến 12,0% (1/1/2020: từ 10,0% đến 12,0%). Tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 50% - 90% và tỷ lệ ký quỹ duy trì là 30% - 70% (1/1/2020: 30% - 50%).

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(c) TSTC sẵn sàng để bán

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	8.190.000.000	7.913.262.000	8.190.000.000	8.010.876.000

(d) Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020				Ngày 1 tháng 1 năm 2020			
	Chênh lệch đánh giá lại				Chênh lệch đánh giá lại			
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị đánh giá lại VND
TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ								
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	235.767.335.325	45.462.666.171	(4.092.124.007)	277.137.877.489	260.733.589.193	1.615.343.215	(61.545.699.606)	200.803.232.802
Cổ phiếu chưa niêm yết	64.299.452.383	1.197.485	(33.552.174.477)	30.748.475.391	64.299.452.383	1.197.485	(26.552.174.477)	37.748.475.391
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	26.003.332.765	10.403.368.171	-	36.406.700.936	26.003.332.765	6.422.928.922	-	32.426.261.687
Trái phiếu niêm yết	1.063.794.347.601	71.929.179.801	-	1.135.723.527.402	545.327.363.585	37.406.636.415	-	582.734.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết	737.325.975.398	4.394.578.295	(155.824.659)	741.564.729.034	713.788.741.203	31.167.233.477	(404.330.550)	744.551.644.130
Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	1.566.900.000.000	-	-	1.566.900.000.000	522.535.150.000	954.637.673	-	523.489.787.673
	3.694.090.443.472	132.190.989.923	(37.800.123.143)	3.788.481.310.252	2.132.687.629.129	77.567.977.187	(88.502.204.633)	2.121.753.401.683
TSTC sẵn sàng để bán								
Cổ phiếu chưa niêm yết	8.190.000.000	-	(276.738.000)	7.913.262.000	8.190.000.000	-	(179.124.000)	8.010.876.000
	3.702.280.443.472	132.190.989.923	(38.076.861.143)	3.796.394.572.252	2.140.877.629.129	77.567.977.187	(88.681.328.633)	2.129.764.277.683

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu bán các TSTC	2.777.724.100	-
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	92.345.062.016	45.612.313.119
<i>Phải thu cổ tức</i>	850.036.000	573.025.000
<i>Dự thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi</i>	42.510.994.520	13.190.980.818
<i>Dự thu lãi trái phiếu</i>	41.592.176.560	21.677.143.866
<i>Dự thu lãi hoạt động cho vay</i>	7.391.854.936	10.171.163.435
	95.122.786.116	45.612.313.119

9. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CUNG CẤP

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.021.860.394	808.463.103
Phải thu hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	174.806	-
Phải thu hoạt động tư vấn	2.944.207.200	13.106.607.200
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	1.538.217.811	2.740.469.489
Phải thu dịch vụ khác	108.000	364.173.584
	6.504.568.211	17.019.713.376

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu hoạt động chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán (i)	207.185.905.873	45.317.580.439
Phải thu khác	7.753.432.001	5.313.303.710
	214.939.337.874	50.630.884.149

(i) Đây là số tiền nhà đầu tư chuyển nhượng cho Công ty quyền được thụ hưởng “giá trị tiền bán chứng khoán” mà nhà đầu tư thực tế sẽ nhận được vào ngày thanh toán đối với các giao dịch bán chứng khoán đã khớp lệnh thành công theo Thông báo kết quả giao dịch của Công ty.

11. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Giá trị phải thu khó đòi VND	Số dự phòng đầu năm VND	Dự phòng trích lập trong năm VND	Dự phòng hoàn nhập/sử dụng trong năm VND	Số dự phòng cuối năm VND
Phải thu từ dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp					
- Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	-	44.000.000	-	(44.000.000)	-
- Các khách hàng khác	2.750.000.000	2.750.000.000	-	-	2.750.000.000
Các khoản phải thu khác					
- Khoản phải thu Công ty Cổ phần in Bưu điện	20.000.000	20.000.000	-	-	20.000.000
- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì Hanel	20.000.000	20.000.000	-	-	20.000.000
- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam	18.500.000	18.500.000	-	-	18.500.000
- Khoản phải thu Công ty Tư vấn, Xây dựng và Thiết kế Đà Nẵng	25.000.000	25.000.000	-	-	25.000.000
- Khoản phải thu Xí nghiệp Kinh doanh Tổng hợp Intimex	17.500.000	17.500.000	-	-	17.500.000
- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Ryninh II	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000
- Các khách hàng khác	1.000.906.664	798.786.341	268.226.153	(128.818.449)	938.194.045
	3.951.906.664	3.793.786.341	268.226.153	(172.818.449)	3.889.194.045

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền thuê văn phòng trả trước	275.443.343	180.681.994
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.611.547.270	1.968.632.790
	1.886.990.613	2.149.314.784

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền thuê văn phòng trả trước	306.680.000	766.700.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.345.705.341	975.766.856
	1.652.385.341	1.742.466.856

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	8.330.065.740	43.418.776.460	51.748.842.200
Mua trong năm	-	6.868.004.000	6.868.004.000
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	654.500.000	654.500.000
Thanh lý trong năm	(1.138.019.500)	(3.052.270.832)	(4.190.290.332)
Số dư cuối năm	7.192.046.240	47.889.009.628	55.081.055.868
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.304.047.650	39.805.713.500	45.109.761.150
Khấu hao trong năm	883.964.508	3.657.875.428	4.541.839.936
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	154.827.960	154.827.960
Thanh lý trong năm	(1.138.019.500)	(3.052.270.832)	(4.190.290.332)
Số dư cuối năm	5.049.992.658	40.566.146.056	45.616.138.714
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	3.026.018.090	3.613.062.960	6.639.081.050
Số dư cuối năm	2.142.053.582	7.322.863.572	9.464.917.154

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	9.198.712.095	42.134.428.116	51.333.140.211
Mua trong năm	1.387.557.540	1.607.811.834	2.995.369.374
Thanh lý trong năm	(2.256.203.895)	(323.463.490)	(2.579.667.385)
Số dư cuối năm	8.330.065.740	43.418.776.460	51.748.842.200
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.492.701.744	37.580.389.661	44.073.091.405
Khấu hao trong năm	1.067.549.801	2.548.787.329	3.616.337.130
Thanh lý trong năm	(2.256.203.895)	(323.463.490)	(2.579.667.385)
Số dư cuối năm	5.304.047.650	39.805.713.500	45.109.761.150
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.706.010.351	4.554.038.455	7.260.048.806
Số dư cuối năm	3.026.018.090	3.613.062.960	6.639.081.050

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 35.593 triệu VND (1/1/2020: 37.275 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính	
	2020 VND	2019 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	26.970.378.001	23.733.828.001
Mua trong năm	2.089.475.050	3.585.450.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(654.500.000)	-
Xóa sổ trong năm	-	(348.900.000)
Số dư cuối năm	28.405.353.051	26.970.378.001
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	24.109.250.958	23.733.828.001
Khấu hao trong năm	1.677.407.637	724.322.957
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(154.827.960)	-
Xóa sổ trong năm	-	(348.900.000)
Số dư cuối năm	25.631.830.635	24.109.250.958
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	2.861.127.043	-
Số dư cuối năm	2.773.522.416	2.861.127.043

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 23.385 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 23.385 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	6.741.599.827	5.391.301.005
Dự phòng phải thu khó đòi	81.716.357	97.636.357
Chênh lệch do đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	55.347.600	35.824.800
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.168.936	6.095.886
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.888.832.720	5.530.858.048
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(26.438.197.984)	(15.513.595.437)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(17.332.635)	(12.163.446)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(26.455.530.619)	(15.525.758.883)
	(19.566.697.899)	(9.994.900.835)

Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm:

	1/1/2020 VND	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động VND	Được ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác VND	31/12/2020 VND
Dự phòng phải thu khó đòi	488.181.786	(79.600.000)	-	408.581.786
Chênh lệch giảm đánh giá lại chứng khoán chưa niêm yết	26.956.505.025	6.751.494.109	-	33.707.999.134
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ khác	(77.567.977.190)	(54.623.012.736)	-	(132.190.989.926)
Chênh lệch do đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	179.124.000	-	97.614.000	276.738.000
Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(30.337.796)	(5.480.697)	-	(35.818.493)
	(49.974.504.175)	(47.956.599.324)	97.614.000	(97.833.489.499)

16. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Biến động các khoản tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm và cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000

17. VAY NGẮN HẠN

	1/1/2020 Giá trị ghi sổ VND	Biến động trong năm		31/12/2020 Giá trị ghi sổ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn (i)				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	410.000.000.000	1.620.000.000.000	(1.860.000.000.000)	170.000.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	165.000.000.000	3.797.000.000.000	(3.582.000.000.000)	380.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	50.000.000.000	1.786.000.000.000	(1.836.000.000.000)	-
Ngân hàng TNHH CTBC	150.000.000.000	1.134.000.000.000	(1.135.000.000.000)	149.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	170.000.000.000	864.000.000.000	(864.000.000.000)	170.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	49.900.000.000	1.475.000.000.000	(1.430.500.000.000)	94.400.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	-	600.000.000.000	(400.000.000.000)	200.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	-	429.000.000.000	(330.000.000.000)	99.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	75.000.000.000	322.000.000.000	(297.000.000.000)	100.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	-	250.000.000.000	(200.000.000.000)	50.000.000.000
Ngân hàng Indovina	-	2.172.000.000.000	(1.981.000.000.000)	191.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	1.918.000.000.000	(1.418.000.000.000)	500.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	40.000.000.000	1.130.000.000.000	(926.000.000.000)	244.000.000.000
	1.109.900.000.000	17.497.000.000.000	(16.259.500.000.000)	2.347.400.000.000
Vay khác (ii)	50.693.598.660	53.307.806.875.990	(52.989.670.381.509)	368.830.093.141
	1.160.593.598.660	70.804.806.875.990	(69.249.170.381.509)	2.716.230.093.141

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản vay trên có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 5 tháng và chịu lãi suất năm từ 4,0% đến 6,5% (1/1/2020: các khoản vay có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 3 tháng và chịu lãi suất năm từ 5,8% đến 7,6%).
- Các khoản vay này được đảm bảo bằng các chứng khoán và giấy tờ có giá có giá gốc là 1.396.420 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 601.275 triệu VND) (Thuyết minh 7).
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư này phản ánh các khoản vay qua đêm và chịu lãi suất năm từ 3,5% đến 3,9% (1/1/2020: các khoản vay qua đêm và chịu lãi suất năm từ 3,5% đến 3,9%).

18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán	6.519.781.445	2.033.235.717
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	1.094.957.428	1.001.286.834
	7.614.738.873	3.034.522.551

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải trả về mua các TSTC ngắn hạn	-	6.255.331.999
Phải trả người bán ngắn hạn khác	1.056.208.319	544.507.165
	1.056.208.319	6.799.839.164

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.013.719.658	2.451.781.195	(3.007.516.566)	457.984.287
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.110.775.116	52.314.597.902	(44.835.161.525)	16.590.211.493
Thuế thu nhập cá nhân	616.541.431	13.751.153.956	(12.864.460.749)	1.503.234.638
Thuế nộp hộ nhà đầu tư	2.899.962.511	61.214.219.571	(52.742.394.795)	11.371.787.287
Các loại thuế khác	225.448.706	3.603.735.465	(3.182.606.295)	646.577.876
	13.866.447.422	133.335.488.089	(116.632.139.930)	30.569.795.581

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	3.366.802.743	2.338.284.384
Lãi vay trái phiếu phát hành	785.917.807	2.377.391.780
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	258.578.411	-
	4.411.298.961	4.715.676.164

22. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (i)	VND	7,5 - 8,5%	2021	68.300.000.000	182.300.000.000
Trái phiếu sẽ đáo hạn trong vòng 12 tháng				(68.300.000.000)	-
Trái phiếu sẽ đáo hạn sau 12 tháng				-	182.300.000.000

- (i) Số dư phản ánh các trái phiếu do Công ty phát hành ngày 6 tháng 11 năm 2019, có thời hạn 2 năm, trả lãi nửa năm một lần.

23. CÁC TÀI KHOẢN NGOẠI BẢNG

(a) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLKCK của Công ty chứng khoán

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Dưới 1 năm	15.571.628	155.716.280.000	19.953.859	199.538.590.000

(b) TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Công ty chứng khoán

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch	2	20.000	20	200.000

(c) TSTC chờ về của Công ty chứng khoán

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Dưới 1 năm	5.000	50.000.000	371.680	3.716.800.000

(d) TSTC chưa lưu ký tại TTLKCK của Công ty chứng khoán

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Hơn 1 năm	6.132.719	61.327.190.000	6.132.719	61.327.190.000

(e) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLKCK của Nhà đầu tư

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	2.444.813.713	37.828.581.850.000	2.227.527.479	29.628.399.620.000
TSTC hạn chế chuyển nhượng	39.104.349	391.043.490.000	29.370.444	293.704.440.000
TSTC giao dịch cầm cố	426.791.453	10.237.614.530.000	374.948.187	8.946.981.870.000
TSTC phong tỏa, tạm giữ	14.516	145.160.000	19.000	190.000.000
TSTC chờ thanh toán	58.916.323	859.163.230.000	14.533.649	145.336.490.000
	2.969.640.354	49.316.548.260.000	2.646.398.759	39.014.612.420.000

(f) TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	7.077.390	70.773.900.000	896.000	8.960.000.000
TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	197.459	1.974.590.000	833.719	8.337.190.000
	7.274.849	72.748.490.000	1.729.719	17.297.190.000

(g) TSTC chờ về của Nhà đầu tư

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Dưới 1 năm	25.212.115	354.471.610.000	8.711.239	87.112.390.000

(h) Tiền gửi của Nhà đầu tư

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.378.039.377.709	834.721.235.761
a. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.722.350.665.865	710.644.266.519
b. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.636.370.656.073	111.042.057.669
c. Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại TTLKCK	19.318.055.771	13.034.911.573
2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	1.016.277.126.642	159.245.842.721
3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	3.953.704.157	3.946.173.827
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	2.325.297.819	2.320.833.786
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	1.628.406.338	1.625.340.041
	4.398.270.208.508	997.913.252.309

(i) Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	10.986.791	10.470.569
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của tổ chức phát hành	20.409.541.108	22.702.332.238
	20.420.527.899	22.712.802.807

(j) Phải trả Nhà đầu tư

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
a. Của Nhà đầu tư trong nước	2.737.042.007.982	872.277.583.693
b. Của Nhà đầu tư nước ngoài	1.639.918.756.701	111.614.433.411
c. Phải trả tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư	23.168.076.333	14.310.002.796
	4.400.128.841.016	998.202.019.900

(k) Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	18.561.895.391	22.424.035.216

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

(a)

Lãi từ bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

2020	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu niêm yết	13.927.662	23.998	334.241.821.800	318.760.328.143	15.481.493.657
Trái phiếu niêm yết	19.000.000	122.918	2.335.447.000.000	2.317.071.488.585	18.375.511.415
Trái phiếu chưa niêm yết	17.544.748	138.808	2.435.359.499.385	2.430.484.791.693	4.874.707.692
Chứng chỉ quỹ và giấy tờ có giá	500.000	926.417	463.208.550.000	461.524.096.574	1.684.453.426
			5.568.256.871.185	5.527.840.704.995	40.416.166.190

2019	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu niêm yết	16.381.349	22.831	374.006.762.327	357.166.512.565	16.840.249.762
Cổ phiếu chưa niêm yết	200.000	11.000	2.200.000.000	2.024.177.708	175.822.292
Trái phiếu niêm yết	17.800.000	117.346	2.088.751.720.672	2.058.709.732.701	30.041.987.971
Trái phiếu chưa niêm yết	2.002.656	240.266	481.169.944.841	480.818.278.233	351.666.608
Chứng chỉ quỹ và giấy tờ có giá	5.348.250	134.025	716.798.735.250	686.321.072.795	30.477.662.455
			3.662.927.163.090	3.585.039.774.002	77.887.389.088

(b) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

	2020 VND	2019 VND
Từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	180.730.293.532	141.584.456.528
Từ các khoản cho vay	103.751.089.752	101.922.012.431
Từ các TSTC sẵn sàng để bán	97.614.000	59.037.000
	284.578.997.284	243.565.505.959

(c) Doanh thu ngoài thu nhập từ các TSTC

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	210.074.613.317	120.292.679.986
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	51.202.121.739	26.054.528.940
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	16.565.627.372	17.607.618.644
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính	1.280.090.909	11.405.090.909
Thu nhập hoạt động khác	21.221.636.025	14.277.118.631
	300.344.089.362	189.637.037.110

25. LỖ BÁN CÁC TSTC GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ

2020	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu niêm yết	16.542.487	19.812	327.737.865.700	368.557.933.465	40.820.067.765
Trái phiếu niêm yết	2.500.000	131.425	328.561.500.000	335.182.212.329	6.620.712.329
Trái phiếu chưa niêm yết	1.400.000	106.870	149.618.000.000	149.644.183.573	26.183.573
			805.917.365.700	853.384.329.367	47.466.963.667
2019	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu niêm yết	16.431.373	22.092	362.996.762.093	386.734.464.340	23.737.702.247
Trái phiếu niêm yết	4.916	100.000	491.600.000	493.007.458	1.407.458
Trái phiếu chưa niêm yết	400.026	111.820	44.730.726.017	44.730.864.916	138.899
			408.219.088.110	431.958.336.714	23.739.248.604

CHÉNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TSTC

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này VND	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước VND	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán năm nay VND
TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ					
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	235.767.335.325	277.137.877.489	41.370.542.164	(59.930.356.391)	101.300.898.555
Cổ phiếu chưa niêm yết	64.299.452.383	30.748.475.391	(33.550.976.992)	(26.550.976.992)	(7.000.000.000)
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	26.003.332.765	36.406.700.936	10.403.368.171	6.422.928.922	3.980.439.249
Trái phiếu niêm yết	1.063.794.347.601	1.135.723.527.402	71.929.179.801	37.406.636.415	34.522.543.386
Trái phiếu chưa niêm yết	737.325.975.398	741.564.729.034	4.238.753.636	30.762.902.927	(26.524.149.291)
Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	1.566.900.000.000	1.566.900.000.000	-	954.637.673	(954.637.673)
	3.694.090.443.472	3.788.481.310.252	94.390.866.780	(10.934.227.446)	105.325.094.226
Ghi nhận vào báo cáo hoạt động:					
-Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC					54.623.012.736
-Chênh lệch giảm về đánh giá lại các TSTC					50.702.081.490
Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm					105.325.094.226

CHÉNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TSTC (TIẾP THEO)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này VND	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước VND	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán năm nay VND
TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ					
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	260.733.589.193	200.803.232.802	(59.930.356.391)	(38.040.114.743)	(21.890.241.648)
Cổ phiếu chưa niêm yết	64.299.452.383	37.748.475.391	(26.550.976.992)	(26.550.896.644)	(80.348)
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	26.003.332.765	32.426.261.687	6.422.928.922	27.906.996.413	(21.484.067.491)
Trái phiếu niêm yết	545.327.363.585	582.734.000.000	37.406.636.415	23.030.457.799	14.376.178.616
Trái phiếu chưa niêm yết	713.788.741.203	744.551.644.130	30.762.902.927	(212.729.126)	30.975.632.053
Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	522.535.150.000	523.489.787.673	954.637.673	4.355.392.930	(3.400.755.257)
	2.132.687.629.129	2.121.753.401.683	(10.934.227.446)	(9.510.893.371)	(1.423.334.075)
Ghi nhận vào báo cáo hoạt động:					
-Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC					16.834.016.067
-Chênh lệch giảm về đánh giá lại các TSTC					(18.257.350.142)
Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm					(1.423.334.075)

Mẫu B09 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

www.vcbs.com.vn

115

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái	26.448.192	9.422.486
- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã thực hiện	602.255	-
- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	25.845.937	9.422.486
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.647.254.834	1.484.215.249
	1.673.703.026	1.493.637.735

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	21.035.140	12.211.271
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	669.900	727.543
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	20.365.240	11.483.728
Chi phí lãi vay	89.668.063.988	88.667.574.044
	89.689.099.128	88.679.785.315

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	52.643.804.793	45.983.813.016
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	4.832.603.075	4.644.024.098
Chi phí văn phòng phẩm	600.996.135	476.378.399
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.822.877.876	2.189.027.743
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.797.011.680	3.233.490.591
Chi phí thuế, phí và lệ phí	1.826.761.040	1.560.950.429
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(79.768.449)	273.022.598
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.628.492.762	20.035.403.643
Chi phí khác	12.865.685.881	8.159.446.689
	102.938.464.793	86.555.557.206

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	52.314.597.902	35.226.486.022
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	9.591.319.864	4.599.676.565
Chi phí thuế TNDN	61.905.917.766	39.826.162.587

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	323.698.528.576	185.419.944.319
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	64.739.705.715	37.083.988.864
Chi phí không được khấu trừ thuế	21.238.194	6.640.526.043
Thu nhập không bị tính thuế	(2.855.026.143)	(3.898.352.320)
	61.905.917.766	39.826.162.587

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

31. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Số dư tại ngày	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng mẹ)		
Tiền gửi thanh toán	12.737.977.939	66.137.775.747
Lãi dự thu trái phiếu	1.350.895.741	1.373.379.484
Chứng khoán Vietcombank	197.951.649.822	169.789.219.679
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198 (Công ty con của Ngân hàng mẹ)		
Đặt cọc thuê văn phòng	2.764.333.935	2.764.333.935
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Vietcombank (Công ty liên doanh của Ngân hàng mẹ)		
Đầu tư vào chứng chỉ quỹ VCBF - BCF và VCBF - TBF	26.003.332.765	26.003.332.765
	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng mẹ)		
Thu nhập lãi tiền gửi	67.368.251	64.267.869
Phí hợp tác kinh doanh	2.900.872.424	1.556.804.552
Doanh thu môi giới	-	144.875.346
Chi phí điện, nước, trông xe	-	49.627.451
Phí ngân hàng	117.164.565	472.627.079
Thu nhập lãi trái phiếu và cổ tức cổ phiếu Vietcombank	6.874.825.934	12.268.141.427
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198 (Công ty con của Ngân hàng mẹ)		
Chi phí thuê văn phòng	11.057.335.740	9.580.928.593
Chi phí điện, nước, trông xe	890.273.986	909.181.381
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Vietcombank (Công ty liên doanh của Ngân hàng mẹ)		
Doanh thu môi giới khác	193.168.268	217.835.944
Doanh thu khác	88.310.781	14.501.885
Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Thành viên, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	12.640.232.953	12.393.696.767

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng 1 năm	10.800.069.024	14.392.563.024
Từ 2 - 5 năm	37.037.100.096	37.470.594.096
Trên 5 năm	97.312.706.512	106.467.281.536
	145.149.875.632	158.330.438.656

33. CÁC KHOẢN MỤC BẤT THƯỜNG

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn, trong đó có việc thực hiện cách ly xã hội từ ngày 1 tháng 4 năm 2020. Từ ngày 23 tháng 4 năm 2020, Việt Nam cơ bản đã dừng cách ly xã hội và các hoạt động kinh tế, xã hội trong nước đã dần quay lại trạng thái bình thường. Tuy nhiên, số ca lây nhiễm trên toàn thế giới vẫn tiếp tục gia tăng trong năm 2020. Ngày 28 tháng 1 năm 2021, dịch Covid-19 đã bùng phát trở lại tại Quảng Ninh và Hải Dương, và lan sang một số tỉnh thành khác. Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Mức độ ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh và các thông tin không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính này.

34. THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được lấy từ các số dư và giá trị được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 26 tháng 2 năm 2021

Người lập:

Người duyệt:


Lê Thu Hiền
Kế toán Tổng hợp


Lê Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng


Lê Việt Hà
Phó Giám đốc





**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

Tầng 12 & 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải,
Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội. Việt Nam
Tel: (84-24) 3936 6990 / Fax: (84-24) 3936 0262

www.vcbs.com.vn